

THIÊN- PHÁP YẾU GIẢI

CUỐN THỨ NHỨT

Diêu-Tần Tam-Tạng Cư-Ma-La-Thập dịch ra chữ Tàu,
Nguyễn Minh Thiện dịch ra chữ Việt.

I.- QUÁN TỊNH VÀ BẤT TỊNH

Khi hành-giả (người tu hành) mới tới, muốn cầu lãnh phép Phật, vị sư-trưởng phải hỏi người ấy đã giữ tròn các giới của ngũ chúng (1) chưa? Nếu có kẻ còn nhiều dâm dục, thì thầy phải dạy quán (2) bất-tịnh.

Bất-tịnh có hai loại :

- 1.- Thứ nhờm gồm.
- 2.- Thứ không nhờm gồm.

Tại cố sao ?

Chúng sanh có sáu thứ dục :

- 1.- Trước sắc (nghĩa là say đắm màu sắc, sắc dục)
- 2.- Trước hình dung (say đắm dung mạo)
- 3.- Trước oai nghi (say đắm oai nghi)
- 4.- Trước ngôn thình (say đắm giọng nói)
- 5.- Trước tế hoạt (say đắm trơn nhuyễn, mịn màng)
- 6.- Trước nhơn tướng (say đắm tướng người)

Nếu ai say đắm (vương víu) năm thứ dục nói trên, thầy dạy họ quán thứ bất-tịnh nhờm gồm. Còn ai say đắm tướng người, thầy dạy họ quán bạch cốt nhơn tướng (3) và quán tử-thi (thây ma), hoặc sinh rã, hoặc chưa sinh rã.

Quán thứ chưa sinh rã, thì đoạn được hai thứ dục : oai nghi và giọng nói. Còn quán thứ sinh rã rồi, thì đoạn được sáu thứ dục.

Tập phép quán bất-tịnh có hai cách :

1.- Quán tử-thi sinh thú bất tịnh, thì biết thân ta bất tịnh cũng như thế. Quán như vậy xong, lòng sanh nhờm gồm. Rồi nhớ hình trạng đó, đi tới chỗ vắng vẻ, như tại gốc cây, như trong nhà trống, theo hình trạng đó mà quán thân bất tịnh cùng khắp, kèm buộc tâm ở trong thân mình, đừng để nó chạy ra ngoài. Nếu tâm chạy tản, thì mau mau thu về duyên-trung (4).

2.- Tuy là mắt không thấy, mà theo phép thầy truyền, cứ tưởng tượng phân biệt, quán 36 vật chẳng tịnh đầy đầy trong thân mình là :

- | | |
|---------------------|-------------------------------|
| 1.- Phát (tóc) | 2.- Mao (lông) |
| 3.- Trảo (móng tay) | 4.- Xỉ (răng) |
| 5.- Xuy (ghèn) | 6.- Lệ (nước mắt) |
| 7.- Thế (nước dãi) | 8.-Thóa (nước miếng khạc nhổ) |

9- Hạch (mồ hôi)	10- Cấu (bụi nhốt trong mình)
11- Phương (mỡ)	12- Cao (chất keo như mỡ)
13- Bì (da)	14- Mạc (màng cách)
15- Cơ (thịt sớ)	16- Nhục (thịt nạt)
17- Cân (gân)	18- Mạch (ống máu)
19- Tủy (mỡ xương)	20- Não (óc)
21- Tâm (tim)	22- Can (gan)
23- Tì (lá lách)	24- Thận (trái cật)
25- Phế (phổi)	26- Vị (bao tử)
27- Trường (ruột)	28- Đổ (bụng)
29- Bào (bào-lạc)	30- Đờm (mật)
31- Cốt (xương)	32- Sanh tạng (tạng chứa đồ chưa tiêu hóa)
33- Thục trạng (tạng chứa đồ tiêu hoá rồi)	34- Huyết (máu)
35- Thỉ (phản)	36- Niếu (nước đái)

Các thứ bất tịnh kể trên gom lại và kết cấu với nhau, mới có tên là cái thân.

Tự quán thân mình như thế, rồi quán các vật mà lòng ta bám dính ở ngoài thân cũng như vậy. Nếu tâm nhờm góm rồi, lòng dâm dục cũng dứt, thì nên nghỉ tập.

Nếu lòng ấy không dứt, cần phải tinh-tiến, khiển trách tâm mình, nói thầm như vậy : già, bệnh, chết, các khổ rất gần bên ta, mạng mình như lửa điển nháng. Khó đặng thân người, khó gặp thầy cao. Còn phép Phật sắp diệt, như đèn lúc trời rạng sáng, có nhiều tai hại phá hoại định pháp: Ở trong các phiền não, ở ngoài các ma dân, nước nhà thất mùa đói khát, trong ngoài già, bệnh, chết, các tặc thế-lực rất lớn, phá người tập thiền-định.

Thân ta thật đáng sợ ! Ở trong các phiền-não khuấy rối, ta chưa thấy bớt chút nào. Còn theo công-phu thiền-định, ta tập chưa được chi cả. Tuy là thân bận áo đạo, mà trong lòng thiệt trống trơn, có khác nào kẻ tục. Hết thấy các cửa ác-thú (ba đường dữ : Địa- ngục, Ngạ-quỉ, Súc- sanh), đều mở. Theo các phép lành, ta chưa vào được cảnh chánh-định. Còn theo những phép dữ, ta chưa chắc đã bỏ hẳn không làm.

Vậy nay ta ham mê cái túi đựng phản làm chi, mà sanh lòng giải-đãi, chẳng hay tinh-cần, chế phục lấy tâm mình.

Cái thân này tẻ lậu như thế, bị các hiền thánh khiển trách cho là bất tịnh, đánh nhờm, vì chín lỗ đều có rịn chảy nước dơ. Nếu ai ham mê cái thân này, thì đồng với loài súc-sanh, chết rồi về cõi hắc-ám, lẽ nào điềm-nhiên để vậy ! Tâm phải mạnh mẽ suy nghĩ, tự trách lấy mình, thâu xề bốn-xứ (căn bốn của nó).

Lại có lúc cũng phải làm cho tâm mình vui vẻ, mà tưởng thầm rằng : “ Phật là đứng toàn-trí, chỉ ngay mỗi đạo, dễ hiểu dễ làm, tức là thầy cả của ta. Thế thì còn lo sợ nỗi gì ! Cũng như mình nhờ sức bảo-hộ của một ông vua cường-quốc, thì không còn chi phải e sợ nữa.

“ Các vị La-Hán đã làm các việc đó xong rồi. Ấy là bạn đồng hành với ta, đã chế phục được tâm mình, như kẻ tở sợ chủ nhà. Tâm đã chế phục điều hòa, thì hành-giả có đủ các quả lục thông tự-tại.

“Ta cũng nên chế-phục điều hòa cái tâm của ta, cầu cho đặng các việc nói đó. Chỉ có một con đường này mà thôi, chớ không còn ngõ nào khác nữa.”

Suy nghĩ như vậy rồi, trở lại quán bất tịnh, và tự mình hân hoan, mà nói thắm rằng : “Lúc mới tập theo đạo, các ngọn gió phiền-não thổi lên phá hại tâm ta. Nếu ta tu đắc Đạo, dầu ngũ dục là mạnh hơn hết còn không làm hại ta được, hà huống là các tính xấu khác”.

Cũng như trưởng-lão Ma-ha Mục-kiền-Liên đặng chứng quả A-la-hán rồi. Người vợ sắp theo kị nhạc, trang sức lộng-lẫy, muốn hại Mục-Liên.

Khi ấy, Mục-Liên nói ra bài kệ rằng :

CHỮ

Nhử thân cốt cán lập,
Bì nhục tương truyền quả.
Bất tịnh nội sung mãn,
Vô nhứt thị hảo vật.
Bì nang thanh thử niếu
Cửu khổng thường lưu xuất.
Như quả vô sở trực,,
Hà túc di tự quý?
Nhử thân như hành xí,
Bạc bì dĩ tự phú.
Trí-giả sở khí viễn,
Như nhơn xả xí khứ
Nhược nhơn tri nhử thân,
Như ngã sở ố yểm.
Nhứt thiết giai viễn li,
Như nhơn tị thử khanh.
Nhử thân tự nghiêm sức,
Hoa hương dĩ anh-lạc,
Ngu-phu sở tham ái,
Tri giả sở bất hoặc.
Như thử bất tịnh tụ,
Tập chư ế ác vật.
Như trang nghiên xí xá,
Ngu-giả dĩ vi hảo.
Nhử hiếp lật trước tích,

NGHĨA

Thân em một bộ xương,
Da thịt bao xung quanh
Dơ bẩn trong đây đây,
Chẳng chi gọi tốt lành.
Túi da đựng cứt đái,
Chín lỗ rịn hôi tanh
Như quả không ngay thẳng
Tại sao cứ trọng mình ?
Thân em như lỗ xí,
Da mỏng tự che mình.
Kẻ trí đều xa lánh,
Như xa cầu vệ-sinh..
Thân em, ai rõ biết,
Nhờm gớm cũng như anh.
Cả thấy đều xa lánh,
Như người tránh thử khanh (hầm phân)
Thân em son phấn điểm,
Xạ ướp, đeo vòng vàng,
Kẻ dại thấy yêu mến,
Người không chẳng vướng mang.
Trong mình em bẩn- thiếu.
Chứa ế vật muôn ngàn.
Trang điểm chi cầu xí,
Kẻ ngu tưởng vẹn toàn,
Sườn em dính xương sống,

Như duyên y lương đồng.
Ngũ tạng tại phúc nội,
Bất tịnh như thí hiệp.
Nhĩ thân như phấn xá,
Ngu-phu sở bảo ái,
Sức dĩ châu anh-lạc,
Ngoại hảo như họa bình.
Nhược hơn dục nhiễm không,
Chung thí bất khả trước.
Nhử dục lai nhiễm ngã,
Như nga tự đầu hỏa!
Nhứt thiết chư dục độc,
Ngã kim dĩ diệt tận.
Ngũ dục dĩ viễn li,
Ma vọng dĩ hoại liệt.
Ngã tâm như hư-không,
Nhứt thiết vô sở trước.
Chánh sử thiên dục lai,
Bất năng nhiễm ngã tâm.

Như xà gác đông nhà.
Ngũ tạng ở trong bụng,
Như thùng phần thối tha
Thân em như lỗ xí,
Kẻ độn áp yêu hoài.
Chứng diện đeo vòng chuỗi,
Như hình vẽ, đẹp ngoài.
Nếu lòng không dục nhiễm,
Sau trước chẳng mê say.
Em muốn ghẹo anh há ?
Vào đèn bướm chịu tai!
Các loài dục độc dữ,
Anh diệt tới căn cai.
Năm dục rày lìa đứt,
Lưới ma phải rách ngay.
Tâm ta tử khoảng trống,
Chẳng có chi mê say.
Kìa bực trời dầu đến,
Nhiễm sao được tim này (5)

Người quán tịnh có ba bậc :

- 1.- Mới tập hành,
- 2.- Đã tập hành ,
- 3.- Tập hành lâu.

Nếu người MỚI TẬP HÀNH, thầy phải dạy lấy sức tưởng tượng mà xé rách da bọc, gọt đổ các thứ bất tịnh, rồi quán người xương trắng, kèm ý tại chỗ quán, đừng để ý ra ngoài. Hễ tưởng ra ngoài tới các trần duyên, thì hãy thu nó đem trở về.

Nếu ĐÃ TẬP HÀNH phải dạy rằng : tâm gọt đổ hết da thịt, quán trọn cả xương đầu, chẳng cho tưởng ra ngoài. Hễ tưởng ra ngoài tới các trần duyên, thì hãy thu nó đem trở về.

Nếu TẬP HÀNH LÂU, gọt đổ một tấc thịt da trong thân mình , kê ý ở năm chỗ : trên đỉnh đầu, nơi trán, ở mi-gian (giữa hai chơn mày), chót sống mũi, tại tâm. Ở các chỗ này, hãy trụ ý nơi xương, đừng cho tưởng ra ngoài. Hễ tưởng ra ngoài tới các trần duyên, thì hãy thu nó đem trở về.

Lại còn phải quán tâm. Nếu tâm hết sức mỗi mảy, nó bỏ hết các điều tưởng ra ngoài, chú ý tưởng vào sở duyên. Tỉ như con khỉ bị cột vào một cây trụ, cả ngày

chạy lảng xảng bốn bề, nhưng bị xiềng xích dặt trở lại, chừng nó hết sức rồi, thì tự nhiên yên nghỉ.

Sở-duyên như cây trụ, ý tưởng như xiềng xích, tâm ví dụ con khỉ. Lại tử như người mẹ vú thường chăm nom con trẻ, chẳng để cho nó té ngã. Người hành-giả quán tâm, cũng y như thế, lần lần chế phục cái tâm, khiến cho nó trụ tại sở-duyên. Nếu tâm trụ được lâu, thì đúng theo phép thiền.

Nếu đặng thiền-định, hành-giả có ba tướng :

- a) Thân thể trọn hòa vui, mềm-dịu (dễ sai khiến) nhẹ nhàng;
- b) Xương trắng phát ra hào quang, cũng như bạch kha (ngọc trắng) ;
- c) Tâm đặng tịnh trụ, thì gọi là tịnh quán.

Lúc ấy, đặng cái tâm thuộc về cõi Sắc-giải, gọi là : MỐI HỌC THIỀN PHÁP-MÔN.

Dầu sức mạnh thắng nổi cái tâm, cũng chẳng bằng chế nó khiến trụ ở một chỗ, gọi là NHỨT TÂM (một lòng). Nếu tâm trụ vào trong một tắc vuông là được. Bằng nó đi đông dài là không được. Chỉ nên quán người xương đỏ (6). Hể đặng thứ quán này rồi, bỏ người xương đỏ mà quán người xương trắng, đừng cho tưởng ra ngoài. Hể tưởng tới các trần duyên ở ngoài, hãy thu nó đem trở về.

Nếu tâm thanh-tịnh quán trụ ở trong xương, thì trong xương có hào-quang trắng phát ra khắp thân thể. Tử như trời trong trẻo, thì ánh sáng của mặt nhật rất sạch tốt.

Ánh sáng này phát ra rồi, đem tâm mục mà quán, cho thấy nó rõ ràng. Nhờ sức ánh sáng nên thấy tướng của người xương, tựa như các phép tâm tâm tương ứng (18), sanh diệt như nước chảy trong ống bằng lưu-ly.

Lúc này tâm và tức đều sướng khoái. Đối với sự sướng khoái này, sự khoái sướng của kẻ dâm dục không đáng kể. Quán ra ngoài thân, thì cũng y như vậy.

Lấy một thân thể mà quán như vậy, theo thứ tự, lần lần phóng tư tưởng xa rộng lớn như cõi Diêm-phù-đề. Rồi bắt từ một cõi Diêm-phù-đề mà gom về cho tới chỉ còn một vuông tắc, tâm đặng tự trụ, thì gọi là : MÔN CHÁNH-ĐỊNH ĐẶNG TỊNH Ở TRONG CHỖ BẤT TỊNH.

Lại cái thân này còn xương không, lấy da mỏng te mà che đậy, thì có chi là sung sướng được, tất có nhiều sự lo ngại.

Hành-giả suy nghĩ như vậy, quyết định kiên cố, trụ tâm ở sở-duyên, chẳng sợ các dục-vọng.

Người lợi căn (thông minh) giữ một lòng tinh-cần, lâu lắm là 7 ngày, thì tâm đặng định trụ. Người trung căn cần tập lối ba lần bảy là 21 ngày (7). Người độn căn (ngu-dần) tập lâu lâu cũng sẽ đặng. Tử như đánh sữa dậy (lait fermenté) cho thành mỡ sữa (beurre), thì tất nhiên phải đặng

Nếu không chịu tập hành cái thân này như vậy, dầu có tập lâu ngày, theo cách này thế nọ, cũng chẳng nên gì. Tỉ như đánh nước lã, rốt cuộc sao cho thành mỡ sữa ?

- Hỏi : Xin cho biết những việc nào không đúng với phép thiền ?

- Đáp : Nếu phạm giới-cấm thì không thể nào sám-hối.

Nếu chẳng bỏ tà-kiến, làm đoạn dứt thiện căn, cùng là phạm ba điều phú-chướng (ngăn che), tức là chỗ gọi : phiền-não dày chặt, năm tội vô-gián, ba đường ác báo, các tội như thế đó thì không nên tập hành.

Theo kinh Ma-ha-diễn (Đại thừa), các vị bồ-tát lợi căn, có thiết trí-huệ , phước-đức nhân duyên, thì việc tập này chẳng đồng. Nếu có kẻ không chịu tập hành như trên, thì nên tụng kinh tu-phước, dựng tháp cúng dường, nói pháp dạy dỗ, làm mười điều lành (tu tập thiện theo Thiên-Nhơn thừa).

- Hỏi : Làm sao mà biết rằng là đang tướng Một tâm ?

- Đáp : Hể tâm trụ tướng, thì thân thể mềm-dịu, nhẹ-nhàng vui-vẻ. Các việc giận hờn, rầu lo, phiền rối cái tâm nhờ đó mà chấm dứt. Tâm đang khoái lạc, chưa từng có vậy, còn hơn ngũ dục.

Tâm tịnh chẳng như, cho nên thân thể phát ánh quang-minh. Như cái gương chùi sạch bụi, thì ánh sáng hiện ra ngoài. Như hột minh-châu ở dưới nước trong sạch, tự nhiên chiếu sáng long lanh.

Hành-giả thấy tướng này rồi, thì tâm yên ổn, vui đẹp. Tỉ như người khát nước, lúc đào đất lấy nước, mà thấy được đất ướt, thì biết chần lâu sẽ gặp được nước.

Hành-giả ban sơ mới tập hành như thế, thì chẳng khác nào như người đào giếng, đào đất khô khan lâu rồi mà chẳng nghĩ, vừa thấy chút ướt nói trên, liền tự biết là chẳng còn bao lâu nữa, sẽ đang thiền-định. Cho nên một lòng tin vui, sốt sắng thâm tâm vào sâu thiền-định. Người nghĩ như vậy rồi không kể gì ngũ dục. Họ thấy kẻ mong cầu dục lạc, lại cho đó là một việc rất đáng nhòm chán. Như người thấy chó ăn phần, mà trong lòng phát ghê tởm.

Theo các nhân duyên đó, khiến trách các dục gây tội lỗi, thì tâm sanh liên-mẫn kể nào theo ngũ dục. Vì lẽ họ có sự khoái lạc trong tự tâm, mà chẳng biết tìm cầu, lại đi tìm các sự vui tội lỗi, bất tịnh ở ngoài.

Kẻ hành-giả thường phải tinh-tiến, ngày đêm tập những phép lành giúp mình nên phép thiền-định. Còn các điều trở ngại phép này, thì họ khiến cho tâm xa lánh.

Người tập các phép lành quán cõi Dục-giải, cho là : vô thường, khổ, không, vô ngã (8), như bình đau, như ghẻ chốc, như ung độc, như mũi tên ghim vào tâm, ba độc cháy bốc lên ra khói đấu tranh, tạt đổ, thiệt rất nhàm chán.

Quán như thế đó gọi là :MỐI TẬP PHÉP TU THIỀN.

II. – NĂM MÓN CHE ĐẬY

Nếu trong lúc tập thiền định, có năm món che đậy (ngũ cái) bao trùm cái tâm, khi phải trừ diệt ngay. Tỉ như mây đen che khuất mặt nhật, có gió mạnh thổi tan.

a) **DÂM DỤC.** – Nếu món dâm-dục đẩy lên che đậy cái tâm, tâm tưởng nhớ qua ngũ dục, thì hành-giả phải suy nghĩ rằng :”Nay ta ở trong đạo, tự mình đã quyết bỏ ngũ dục, sao còn tưởng nhớ nó lại nữa ? Khác nào kẻ ỏi ra rồi, ăn trở vô lại ! Đó là tội lỗi theo thế-gian.

“ Ta nay thanh-tĩnh học đạo, cạo tóc cạo râu, thân mang áo đạo, cho tới chết cái thân này, tình nguyện luôn luôn đoạn lị ngũ dục. Sao còn trở lại ham mến, rất là trái phép “ ? Tức thì trừ diệt, như giết rắn độc, chẳng cho vô nhà, vì cớ nó gay họa rất nặng, rất sâu.

Hướng chi ngũ dục lại là ổ chứa các điều ác, không nên cho nó trở đi, trở lại. Lúc ban đầu còn có thể dung chế. Chờ lâu rồi mà còn tự khi, mang theo các điều khổ độc, tật đố, giận-phiền, không việc dữ nào mà chẳng làm, thì có khác chi cái túi đựng đầy gươm đao, hễ mó tay vào, tả hữu đều bị thương tích.

Giả sử mình đặng toại lòng với ngũ dục, nhưng dường như chưa đủ chán, thì không có gì sung sướng. Tỉ như kẻ gãi gẻ ngứa, nếu chỗ ngứa không hết, thì chưa phải sung sướng.

Dục-vọng đã nhiễm vào lòng rồi, thì con người hết thấy tốt xấu, chẳng sợ tội báo đời nay, đời sau. Vì cớ đó mà phải trừ dâm-dục.

b) **GIẬN-PHIỀN** .- Đã trừ dâm-dục, có khi sanh giận-phiền. Lòng giận-phiền sanh, lập tức phải trừ bỏ.

Chúng sanh nên nhớ : Từ khi ở trong thai bào đến giờ, không lúc nào chẳng chịu khổ. Các sự khổ đã chịu đủ, sao còn gây thêm phiền-não nữa ? Như thấy kẻ sắp bị cực hình, bị chém giết, thì có người lòng lạnh nào nở đành gia hại thêm nữa!

Lại người tu hành nên bỏ tánh bản-ngã tự-ái, kiêu-căng vv... Tuy không bị các tánh đó trở ngại sự sanh về cõi trời, mà người hành đạo còn không muốn nhớ tới thay, hướng hồ sự giận-phiền hay đoạn tuyệt các sự vui sướng.

Như nước trào sôi, ta dòm vào đó không thấy mặt mày. Tâm giận-phiền quá độ, hết biết tôn ti là gì, dầu cha mẹ, bậc thầy, cho đến lời Phật dạy, cũng không vâng.

Giận là một bệnh nặng, tàn hại một cách vô đạo, như quỷ la-sát. Phải suy nghĩ rằng :” Từ tâm tiêu trừ sự giận-phiền. Dâm-dục, giận-phiền đã hết, nên đặng thiền-định, ta mới khoái lạc”.

c) THUY MIÊN. – Nếu chưa đăng sự vui của thiên-định, tình sản, sâu muộn, rối ren, tâm chuyển trầm trọng, mờ-mịt không rõ chi hết, thì biết có tên giặc thụy-miên (ngây ngất, mê ngủ) đến làm hại cái tim. Việc đời còn không yên với nó, hà huống là việc đạo.

Cái thế của thụy-miên cũng như chết rồi không khác, chỉ phân biệt ở chút hơi thở mà thôi. Như thủy-y (9) che mặt nước, ta dòm vào đó không thấy mặt mày. Thụy-miên che cái tâm, ta cũng chẳng thấy tốt xấu. Các pháp thiết cũng y như thế, nên lập tức phải trừ bỏ.

Phải nhớ trong trí rằng : “ Các mối giặc phiền-não đều muốn gieo tai hại, làm sao ta lại thụy-miên được ? Như ở trong trận giặc, giữa đám giáo gươm bén nhọn, thì chẳng nên thụy-miên.

“ Ai chưa lìa các khổ : già, bệnh, chết, chưa thoát ba con đường dữ, theo đạo cho đến ngôi *Noàn Pháp* (10) mà chưa làm được gì, thì chẳng nên thụy-miên”

Khi nghĩ như vậy rồi, thụy-miên chẳng dứt, thì phải đứng dậy, đi tới lui, lấy nước lạnh rửa mặt, mắt chăm góc bốn phương, mặt ngưỡng xem tinh tú.

Phải nhớ ba điều sau này có thể trừ thụy-miên hết che đậy cái tâm.

1) **BỐ ÚY** (kinh sợ).- Phải tự mình suy nghĩ rằng :” Tử- thần rất mạnh, thường muốn gia hại, nhờ sự chết rất gần, như tên giặc sắp tới, mà không biết đâu dựa nương. Lại như dao kề cần cổ, nếu ngủ mê thì phải đứt đầu”.

2) **HÂN-ỦY** (vui vẻ tự yên ủi) .- Phải tưởng rằng : “ Phật là thầy cả, có nhiều pháp hay, xưa nay chưa từng có. Ta đã theo học, nên lấy làm hân hạnh, thì thụy-tâm liền diệt”.

3) **SÂU-ÛU** (rầu lo). – Lại nên tưởng rằng :” Nếu đời sau còn luân-hồi, phải mang cái thân này nữa, thì còn chịu nhiều nỗi thống khổ, Độc hại vô cùng”.

Lấy các nhân-duyên đó mà khiển trách thụy-miên. Suy nghĩ như vậy, thì thụy-miên sẽ dứt.

4) **TRẠO- HỐI** .- Nếu món trạo-hối dấy lên che đậy, phải tưởng như vậy :” Người thế muốn bỏ râu lo, để cầu hoan-hỉ, nên sanh lòng trạo-hí (nhảy nhót, giỡn chơi). Nay ta khổ hạnh tọa thiền cầu Đạo, sao lại tự mình phóng tứ cái tâm trạo-hí, thiệt là không nên.

“ Chỗ Phật-pháp trọng hơn hết là thâm tâm, nên chẳng khá nhẹ lòng phóng tứ. Cũng như nước có sóng động, thì không thấy được mặt mày. Trạo-hí làm động tâm, chẳng xét thấy tốt xấu.”

Chữ hối có nghĩa như trong kinh Thiên-độ nói :

- Hối : Dâm-dục, giận-phiền là hai món che đậy, mà để riêng ra mỗi thứ. Còn thụy-miên, trạo-hối, sao lại hiệp lại hai thứ làm một món che đậy như vậy ?

- Đáp : Thụy (ngây ngất, ngủ ngồi) tuy là phiền-não, mà thế lực rất yếu. Nếu không có miên (mê ngủ, ngủ nằm) trợ sức thì không che đậy hết cái tâm.

Trạo-hí mà không hối (ăn năn), thì cũng không thành món che đậy. Vì có đó mà phải ráp lại hai thứ. Thí như dùng một sợi dây cột món đồ. Nếu một sợi không đủ sức, thì xe chung nhiều sợi, mới có thể chắc chắn.

Thụy-miên là lập pháp. Vì có thụy mà tâm nặng nề. Bởi tâm nặng nề, thành ra thân cũng nặng nề. Bởi thụy đã che một ít rồi, miên còn chuyển tăng thêm sức che đậy nữa, mới làm hư đạo pháp. Cho nên phải hiệp lại cả hai mới thành một món che đậy.

Khi ngủ rồi thức giấc, mà tâm không chuyên nhứt, tưởng qua ngũ dục, gây các phiền-não, nên gọi là trạo. Tỉ như con khỉ, thoát khỏi dây xiềng, chạy khắp nhảy nhót, chơi giỡn trong rừng. Trạo cũng làm như thế đó.

Đã tưởng ngũ dục, làm các việc kiết-sử (ràng buộc), lỗi trong mình, miệng, ý, mới sinh ra lo ngại ăn-năn, và tưởng rằng :” Không nên làm mà làm, nên làm mà chẳng làm”. Cho nên trạo và hối nương nhờ nhau, hai loại hiệp một, thành món che đậy.

- Hỏi : Ai làm quấy thì được ăn-năn, sao gọi là món che đậy ?

- Đáp : Như ai phạm giới, tự xét ăn-năn, rồi từ đây về sau, chẳng còn tái phạm.. Đặng vậy mới là không phải che đậy. Bằng tâm làm tội mà thường nhớ hoài không ngớt, rầu buồn, rối loạn, thì gọi là món che đậy.

Lấy các thứ nhân duyên đó, mà khiển trách món trạo-hối che đậy, buộc tâm ở duyên – trung.

d) **NGỜ-VỰC.**- Nếu tâm sanh ngờ vực, lập tức phải diệt. Tại sao ?

Ngờ vực là một pháp chẳng phải như tự-ái, kiêu căn... Đời nay chẳng sanh lòng hoan-hỉ, đời sau phải bị đọa vào Địa ngục

Lại ngờ-vực án khuất các pháp lành, như người đi đường, tới ngã ba, lòng dự-dự, chẳng biết đi ngõ nào, nên đứng chững lại.

Đó là các pháp của người tu hành phải tập. Nếu ngờ vực mà không tu tiến, thì biết bệnh ngờ-vực che đậy chánh đạo, phải mau lo trừ diệt.

Lại phải tưởng như vậy :”Phật là người toàn-trí, phân biệt hết các pháp, nào là pháp ở thế-gian, nào là pháp ra khỏi thế-gian, nào là lành, nào là chẳng lành, nào là lợi, nào là hại, hiểu rõ đích-xác “. Nay ta phải vâng theo đó mà thi hành, chẳng nên sanh lòng ngờ-vực. Phải giữ y giáo pháp, chẳng khá làm trái vạy.

Chỗ bí-diệu của Phật pháp là tu định trí-huệ, biết đúng phép chơn thật. Ta không có cái trí đó, làm sao lấy tự tâm mà độ lượng hết các pháp được. Như người cầm lợi khí trong tay, mới có thể đối địch với kẻ giặc. Nếu trong tay trống không mà muốn hơn nổi cường địch, thì trái lại sẽ bị hại.

Nay ta chưa tu định trí-huệ, làm sao lại muốn trừ nghĩ cái thiệt tướng của các pháp được, nên chẳng khá làm càn. Kẻ ngoại-đạo không phải là đệ-tử của Phật, cho nên sanh ngờ-vực là phải. Còn ta là đệ-tử của Phật, sao lại đem lòng ngờ-vực Phật ?

Phật thường chê bệnh ngờ-vực là che, là đậy, là án khuất, là ngăn ngại, là phương tự gạt mình. Nếu người đã biết nó phá hại, thì phải trừ, phải lánh.

Tánh ngờ-vực mê hoặc ta như thế, người tu hành muốn dùng nghi huệ mà mở thiệt-trí, thì chẳng khác nào ta có bệnh ghẻ ngứa, càng gãi lại càng thêm ngứa. Nếu có vị lương-y cho thuốc, thì bệnh ngứa tự nó phải dứt ngay.

Người hành-giả đối với các thứ pháp đó mà sanh lòng ngờ-vực, mỗi việc muốn giải rõ nghĩa, thì lòng ngờ càng thêm nhiều nữa. Bởi cố đó mà Phật dạy biểu đoạn ngay tánh ngờ-vực. Ngờ-vực vừa sanh thì phải diệt liền.

Theo các lời thống trách nơi trên đó, ta phải mau trừ diệt tánh ngờ-vực.

Người hành-giả suy nghĩ như vậy, sẽ trừ bỏ được năm món che đậy, thâm góp hết các pháp lành, vào sâu trong cảnh. Một tâm, đoạn dứt các phiền-não thuộc về Dục giải, thì chứng được bậc Sơ-thiền.

III . - BỐN CẢNH THIÊN-ĐỊNH

A) SƠ-THIÊN . – Như kinh Phật có nói : Người hành-giả trừ các pháp chướng lành : dục-vọng, hung-ác, mà còn có giác, có quán (11), khi lìa được dục vọng, hung ác rồi, thì sanh hỉ lạc, mà vào bậc Sơ-thiền.

- Hỏi : Cái tướng (trạng thái) của người chứng bậc Sơ-thiền ra sao ?

- Đáp : Trước lấy chánh niệm mà khiển trách mình đề bỏ ngũ dục, đặng cảnh vị-đáo-định (chưa tới thiệt định mà đã gần tới), thân tâm khoái lạc, hòa-dịu, nhẹ-nhàng, thân pháp quang-minh. Người đặng tướng Sơ-thiền, lại chuyển tăng chất tứ đại thù thắng (12), ở cõi sắc-giải, khắp cả thân thể, cho nên hòa-dịu, nhẹ-nhàng.

Lửa dục-vọng, hung-ác, các pháp chướng lành, và nhứt tâm tịnh định, cho nên đặng khoái lạc. Chất sắc-giải thù thắng, có tướng quang-minh, cho nên hành-giả diệu quang-minh chiếu trong và ngoài thân thể. Người hành-giả đặng như vậy, tâm ý đổi khác, chỗ đáng giận mà chẳng giận, chỗ đáng màng mà chẳng màng, tâm pháp của thế-gian (13), không thể lay động, lại thêm lòng tin, kính, biết hổ thẹn, chẳng đem lòng ham muốn thức ăn món mặc. Chỉ quý trọng các công-đức lành, còn kỳ dư là kẻ giặc. Đối với ngũ-dục ở cõi trời, lòng còn không chút dính-líu, hướng hồ là ngũ-dục bất tịnh của thế gian này. Người đặng bậc sơ-thiền thì có các tướng nói trên đó.

Lúc đặng Sơ-thiền, tâm của hành-giả sợ mà mừng quá. Thí như kẻ nghèo nàn may đặng cái kho vật báu, tâm rất hoan-hỉ, bèn nói thầm rằng:” Đầu hôm, canh khuya , rặng sáng, tinh-cần khổ hạnh, tập phép sơ-thiền. Nay đã đặng kết quả, chắc

chấn không sai, nên mừng vui như thế. Chúng sanh mê hoặc, ngu-đần, chìm đắm trong biển ngũ-dục bất tịnh, quả là rất đáng thương xót !”

Bực Sơ-thiền khoái lạc trong ngoài thân thể, tử như nước thấm ướt đất khô khan cả trong ngoài vậy. Còn thân thể thọ lạc theo cõi Dục-giải, thì không đặng cùng khắp.

Ở cõi Dục-giải, người ta bị sự dâm-dục, giận-phiền, các thứ lửa nóng đốt thân thể. Khi vào ao nước Sơ- thiền, họ đặng mát mẻ, vui vẻ đệ nhất, tuyệt hết các thứ phiền-não có tánh nóng. Cũng như kẻ đương nóng nực cực điểm, nhảy vào ao nước mát vậy.

Đã đặng bực Sơ-thiền, mà còn nhờ phép đã tụ tập theo định-môn, hoặc là có duyên nào khác, như chỗ gọi : Niệm Phật Tam-muội, hoặc tưởng bất-tịnh, quán từ-tâm, vv... là tại cố sao ?

Đó là dùng sức suy gẫm (tư), để đạt tới cảnh thiền-định, làm cho vào sâu thêm nữa, cho chỗ mình quán càng đặng thanh-tịnh rõ ràng.

Hành-giả đặng bực Sơ-thiền rồi, thì cầu lên bực Nhị-thiền. Nếu là đạo hữu lậu (14), thì tới ranh cảnh Nhị-thiền, sẽ chán chê việc giác-quán, như ngũ dục, ngũ cái (năm món che đậy) ở cõi Dục-giải, làm cho tâm tán loạn ; giác-quán ở bực Sơ-thiền làm rối loạn định tâm cũng như thế.

Nếu là đạo vô-lậu, bỏ lòng dục của bực Sơ-thiền, tức là dùng Sơ-thiền vô-lậu, mà quả trách giác quán.

- Hỏi : Như kiết và sử của bực Sơ-thiền cũng có thể loạn tâm. Sao chỉ nói về giác quán mà thôi ?

- Đáp : Chánh kiết và sử của bực Sơ-thiền gọi là giác quán. Tại sao ?

Vì giác quán giỏi nên sanh lòng ham mộ, ham mộ thành ra biết sử , nên kiết sử cũng gọi là giác quán.

Khi mới nếm được mùi Sơ-thiền, còn chút ham mê. Cho nên giác quán diệt rồi, thì kiết và sử cũng diệt.

Lại vì chưa từng đặng sự mừng lớn của giác quán, nên sự mừng lớn đó làm hoại định tâm. Vì cố phá hoại định tâm, nên trước phải trừ bỏ.

Muốn vào cảnh Nhị-thiền, định cho sâu hơn, thì phải dẹp trừ giác quán. Vì cố mong đặng đại lợi nên phải bỏ tiểu lợi. Cũng như bỏ sự vui nhỏ theo cõi Dục-giải , mà đặng phần sướng to khác ở cõi trên.

-Hỏi : Sao chỉ nói : phải diệt giác quán, mà không nói tới các điều phiền-não của Sơ-thiền ?

-Đáp : Theo bực Sơ-thiền, giác quán có hai loại :

1.- Thiệt pháp tương ứng giác quán (giác quán tương ứng với các pháp lành) ;

2.- Ai đảng kiết sử tương ứng giác quán (giác quán tương ứng với sự ham mến, vv... làm kiết sử).

Bởi ác giác quán làm chướng ngại bực Nhị-thiền, cho nên phải diệt nó. Còn thiện-giác quán hay cầm giữ (ràng buộc) hành-giả khiến tâm họ trụ vào chỗ vui, cho nên cũng phải diệt hết.

Nay tìm kiếm (tâm) rồi lại suy gẫm (tư), biết ác giác quán chính là một tên giặc. Còn thiện giác quán, tuy có vẻ thân thiện, mà cũng là một tên giặc đoạt các món đại lợi của ta. Cho nên phải tiến lên mà cầu diệt hai thứ giác quán luôn.

Giác quán làm rối loạn, cũng như có người quá mỗi mệt, đương yên ngủ mà bị các thứ tiếng tăm ô-ạt làm rối loạn vậy. Cho nên hành-giả diệt các giác quán đó, để cầu lực Nhị-thiền.

Thí như nước đang trong trẻo, bị gió quây động, làm nổi cáo cặn không thể dòm thấy mặt đáy. Ngũ-dục cõi Dục-giải làm cho tâm trược, cũng y như thế. Giác quán làm loạn tâm, như gió quây động nước bùn vậy.

Khi diệt giác quán rồi, tâm bên trong đặng thanh tịnh. Không có giác quán nữa, thì chắc tâm sanh vui sướng, vào cảnh Nhị-thiền

b) NHỊ THIÊN.- Hỏi : Cái tướng của bực Nhị-thiền ra sao ?

- Đáp : Trong kinh có nói : hể diệt hết giác quán, dầu thiện (lành), dầu vô-ký (không lành, không dữ), khi không còn có giác quán động nữa, thì nội tâm thanh-tịnh. Cũng như nước lóng trong, không có gió nổi sóng, thì tinh tú, mặt trăng, núi rừng đều dọi thấy hình trong đó.

Vì nội tâm đặng thanh-tịnh như vậy, nên gọi là : “hiền thánh mặc-nhiên” (lặng lẽ). Theo bực Tam-thiền, Tứ-thiền, tuy là mặc-nhiên, nhưng lấy lẽ Sơ-thiền mới khởi đặng nó, mà đặt tên như vậy. Vì cố giác quán là nhân duyên của sự nói năng, nhân duyên ấy vừa diệt, nên gọi là mặc-nhiên. Hể mặc-nhiên, tâm định sanh hỉ lạc, cao hơn bực Sơ-thiền.

Sự hỉ lạc của Sơ-thiền do lìa được dục-vọng mà sanh ra. Còn ở bực này, sự hỉ lạc do sức định của Sơ-thiền mà sanh ra.

- -Hỏi : Bực Nhị-thiền cũng lìa bỏ kiết sử như Sơ-thiền, sao lại không nói : do lìa kiết sử mà đặng hỉ lạc ?

- -Đáp : Tuy cũng lìa bỏ kiết sử, nhưng sức trú định mạnh hơn, nên lấy chữ định mà đặt tên.

Lại khi nói lìa dục vọng, đó là lìa cõi Dục-giải. Còn nói lìa bực Sơ-thiền thì chưa lìa cõi Sắc-giải cho nên không lấy chữ lìa dục mà sanh để đặt tên. Đây là nói về cái tướng của bực Sơ-thiền.

Người hành-giả đã đặng Nhị-thiền rồi, lại còn muốn vào thiền-định sâu thêm nữa. Bực định của Nhị-thiền có phiền-não che đậy cái tâm, tức là chỗ gọi : ái (ưa mến), mạn (khinh khi) tà kiến, ngờ- vực, vv ... phá hoại cái định tâm. Đó là cái

tên giặc của Nhị-thiền án khuất cửa Tam-thiền. Cho nên cần phải đoạn dứt các mối hại đó, để cầu bước lên bực Tam-thiền.

- Hỏi : Nếu như thế thì sao Phật biểu lìa bỏ sự vui, làm theo hạnh xả(buôngbỏ hết), ắt đặng vào bực Tam-thiền,

- Đáp : Nếu đặng cái mắng lớn của Tam-thiền, mà tâm mắng quá độ, thì tâm biến ra ham mê sự vui, thành ra kiết sử. Vì cố mà biết sự mắng là gốc sinh ra phiền-não.

Lại kiết sử không ích lợi, thì chẳng nên thấy vui mà sanh lòng ham mê. Còn dẹp cái mắng có lợi ích lắm, là vì ham mê gây ngưng trệ khó buông bỏ, nên Phật dạy :Bỏ sự mắng ra thì vào cảnh Tam-thiền.

- Hỏi :Theo ngữ dục gây tội bất tịnh, thì sự mắng đó nên bỏ ra. Còn thứ mắng này trong sạch, thanh nhả, chúng sanh lấy làm đẹp vui, sao lại cũng dạy phải buông bỏ ra.

- Đáp : Trước đã trả lời rồi : Sự vui là nhân duyên sanh lòng ham mê, thì vẫn còn ở trong cử tội lỗi. Lại nếu chẳng buông bỏ sự mắng ra, thì không thể chứng được công đức tối diệu. Vì lẽ bỏ cái nhỏ để tìm cái lớn, thì có lỗi chi đâu?

Người hành-giả cầu tới bực Tam-thiền, xét sự mắng thì biết nó là nhân duyên của ưu khổ. Cái phần hỉ lạc không thường xuyên, gặp cơn biến thì liền sanh lòng ưu khổ.

Lại sự mắng là sung sướng thô kịch. Nay muốn bỏ thô kịch để cầu thanh cao, nên dạy bỏ sự mắng, vào thêm sâu trong thiền định, cốt để cầu một sự sung sướng cao hơn, trong cảnh định khác nữa.

c) TAM THIÊN . – Tại sao trong tướng Tam-thiền lại diệt sự mắng, bỏ cái mắng tốt đẹp mà không lòng mến tiếc ?

- Vì biết sự mắng có hại. Thí như người biết vợ mình là quỷ la-sát, thì tự nhiên bỏ dễ dàng, không lòng mến tiếc.

Sự mắng làm mê hoặc là phép thô kịch, không phải thanh cao. Theo bực Tam-thiền, thân thể đặng sung sướng, dầu cho sự sung sướng đệ nhất ở thế gian cũng không qua nổi.

Theo chỗ kinh nghiệm của các bực thánh, do tánh khi chịu, khi buông được (theo ý mình) đặng cái sung sướng mà không có gì mắng, là ý niệm xảo huệ (ý sáng suốt mà khéo léo) thì thân thể trọn vào cảnh Tam-thiền.

- Hỏi : Một ý niệm xảo huệ, sao không nghe nói tới ở bực Sơ-thiền và Nhị-thiền ?

- Đáp : Ở bực Tam-thiền, khắp thân thể đều đặng sung sướng. Tâm làm theo hạnh xả, chẳng cho nó ham mê về phân biệt tốt xấu. Cho nên nói một ý niệm huệ.

Trong Tam-thiền , lại có ba lỗi nên tránh.

- 1.- Tâm chuyển tế một (Tâm biến nhỏ rồi mất)
- 2.- Tâm đại phát động (Tâm phát động quá mạnh)
- 3.- Tâm sanh mê muộn (Tâm u ám, buồn bực)

Hành-giả phải một lòng tưởng tới ba điều lỗi đó luôn luôn.

Nếu tâm lặn mất, hãy dùng sức trí-huệ, tinh-tiến, mà phát động tâm nổi lên. Nếu tâm phát động quá mạnh, thì nên kềm thúc cho nó dừng bớt lại. Nếu tâm u ám, buồn bực, thì nên dùng diệu pháp, là niệm Phật, khiến tâm đặng vui vẻ. Thường thường gìn giữ và trị ba thứ tâm này, gọi là :” Nhứt niệm xảo huệ hành lạc”, nghĩa là, một ý niệm xảo huệ để đặng sung sướng, mà vào cảnh Tam-thiền.

- Hỏi : Theo lời kinh nói : Trong bực Tam-thiền, có hai lần nói tới chữ lạc (vui). Hai chữ lạc đó khác nhau thế nào ?

- Đáp : Trước nói : thọ lạc, sau nói : khoái lạc.

- 1.- Thọ lạc (cái vui do ngoài đến)
- 2.- Khoái lạc (cái vui bởi tự tâm)
- 3.- Vô não lạc (cái vui bởi không có phiền não)

Bực Tam-thiền căn cứ vào thứ lạc nào mà gọi là : đệ nhứt lạc. ?

- Đáp : Sự vui sướng của Tam-thiền tối diệu, hơn các bực thấp kia nhiều. Nhưng chỉ dùng ngôi thứ nhứt là thọ lạc, mà đặt tên.

Cái vui đó rốt sau phải dứt, chỉ còn dư lại hai thứ lạc kia, tới bực trên cũng còn, nhưng đây không lấy hai chữ này làm tên.

- Hỏi : Hỉ lạc và không hỉ lạc khác nhau tại chỗ nào ?

- Đáp : Thọ lạc có hai thứ :

- 1.- Hỉ căn,
- 2.- Lạc căn.

Hỉ căn có hỉ lạc thuộc về Sơ-thiền và Nhị-thiền. Lạc căn không có hỉ lạc, thuộc về bực Tam-thiền.

Ở cõi Dục-giái và bực Sơ-thiền, thọ lạc còn thô kịch, thì gọi là lạc căn. Nếu thanh cao gọi là hỉ căn. Còn bực Nhị-thiền và Tam-thiền, thọ lạc thô kịch thì gọi là hỉ căn. Nếu thanh cao thì gọi là lạc căn.

Thí như trời đương nóng nực, có người gặp nước trong trẻo, mát mẻ, dùng nó rửa tay, rửa mặt, thì gọi là hỉ (mãng). Nếu nhảy xuống nước mát trong ao lớn mà tắm rửa trọn cả thân thể, thì gọi là thọ lạc (hưởng vui).

Người hành-giả ở bực Sơ-thiền, bị giác quán động như thế, nên sự sung sướng chẳng khắp thân thể. Ở bực Nhị-thiền, bị sự quá mãn làm kinh động, nên cũng không đặng khắp thân thể. Ở bực Tam-thiền, nhờ không có chướng ngại, nên sung sướng trọn cả thân thể. Đó là chỗ sai biệt..

Một mặt khác, thọ lạc có bốn loại :

- 1.) DỤC GIẢI. - Sự vui sướng do sáu thức lương ứng, gọi là hỷ căn, cũng gọi là lạc căn ;
- 2.) SƠ-THIÊN. - Sự vui sướng do bốn thức (15) tương ứng, gọi là lạc căn, cũng gọi là hỷ căn ;
- 3.) NHỊ-THIÊN. - Sự vui sướng do ý thức tương ứng, gọi là hỷ căn ;
- 4.) TAM-THIÊN.- Lìa hỷ (mãng), nên ý thức tương ứng thọ lạc, gọi là lạc căn.

Người hành-giả đã đặng Tam-thiên, biết ba thứ lạc kể trên, một lòng gìn giữ, thường sợ tan mất, nên đâm ra phiền lo,. Vì cố mà lạc (vui) cũng là một điều lo, nên phải cầu bỏ sự vui đó.

Tỉ như có người cầu sự vui về sự giàu sang. Trong lúc cầu đã chịu cực khổ , chường đặng lại không nhàm, thì cũng là khổ. Đặng rồi phải gìn giữ, thì cũng là khổ

Có người cho cầu sự vui sướng là khổ nên buông bỏ. Hoặc có người đặng sự vui sướng rồi, mà không biết chán, cũng là nghe khổ, cũng buông bỏ. Hoặc có người đặng giàu sang, phải gìn giữ sự nghiệp là khổ, nên buông bỏ. Có hành-giả lo ngại về sự vui sướng thì cũng y như vậy.

Người cầu sự vui sướng bậc Sơ-thiên , bị giác quán rối loạn nên buông bỏ; bậc Nhị-thiên, bị sự quá vui động nên buông bỏ; bậc Tam-thiên, biết sự vui sướng không thường, khó giữ, nên buông bỏ. Bởi các cố đó, nên phải buông bỏ sự vui sướng kia, để cầu lên bậc Tứ-thiên là cảnh yên ổn.

Hỏi : Hành-giả dựa theo sự vui sướng của thiên-định, đã bỏ sự vui sướng của dục-vọng, nay phải dựa vào đâu mà buông bỏ sự vui sướng thiên-định, thì sẽ đặng lợi ích chi ?

Đáp : Hành-giả dựa theo sự vui sướng Niết-bàn, để buông bỏ sự vui sướng thiên-định, thì sẽ đặng ba điều lợi, tức là ba đường đạo của La-hán, Bích-chi-Phật và Phật.

Cho nên buông bỏ sự vui sướng thiên-định, mà tập sự yên ổn khoái lạc của Tứ-thiên, mượn con đường của ba thừa, tùy ý mà vào cảnh Niết-bàn.

d) TỨ-THIÊN .- Hỏi : Làm sao mà biết được tướng của Tứ-thiên ?

Đáp : Như Phật nói về tướng Tứ-thiên : Nếu Tì-khưu đoạn vui sướng, đoạn cực khổ, thì trước phải diệt ưu hỷ (sự mừng, sự lo) . Chẳng khổ, chẳng sướng, giữ niệm thanh-tịnh, thì vào cảnh Tứ-thiên.

Hỏi : Tới bậc Tứ-thiên, đoạn vui sướng đành phải như thế. Còn lúc lìa dục là để đoạn khổ, nay sao còn nói đoạn khổ nữa ?

Đáp : Có người nói rằng : Đoạn có hai thứ :

- 1.- Biệt-tướng đoạn,

2.- Tổng-tướng đoạn.

Như Tu-đa-huần lấy đạo mà sánh với trí tổng đoạn thấy kiến-đế (nhận thấy chơn lý), kiết sử (các điều buộc trói, sử khiến), làm như vậy là không nhằm chi hết. Tại cố sao ?

Phật nói đoạn khổ, đoạn sướng, thì trước phải diệt sự ưu hỉ. Nếu khổ ở cõi Dục-giái thì phải nói : trước đoạn khổ ưu hỉ.

Nhưng Phật chẳng nói như thế, thì biết chẳng phải là khổ ở cõi Dục-giái. Đây là nói về sự sung sướng ở bậc Tam-thiên có tướng vô thường, nên mới sanh ra khổ. Bởi vậy mới nói : phải đoạn khổ.

Lại như Phật nói : “ Đương lúc thọ lạc, phải quán có khổ trong đó do sự vui sướng của Tam-thiên mà ra. Khi lạc sanh, lạc trụ là vui sướng. Chừng nó diệt là khổ”.

Bởi cố đó , nói đoạn sướng, đoạn khổ, thì trước phải diệt ưu hỉ. Đó là sự ưu trong Dục-giái, còn sự hỉ ở trong Sơ-thiên và Nhị-thiên.

Hỏi : Trong Dục-giái, có khổ, có ưu, đến khi lìa dục thì nó cũng diệt ngay. Sao chỉ nói đoạn ưu, mà không nói đoạn khổ ?

Đáp : Khi lìa dục, tuy là đoạn luôn hai việc, mà ưu căn không mọc nữa, khổ căn lại còn mọc. Vì cố còn mọc đó, mà không được nói diệt.

Hỏi : Nếu ở bậc Tam-thiên, lúc lạc sanh, lạc trụ, đã đành là vui sướng, nhưng đến lúc nó diệt là khổ. Nay nói hỉ ở Sơ-thiên và Nhị-thiên, sao lại không phải như thế ?

Đáp : Theo lời kinh Phật nói :” Lúc lìa cảnh Tam-thiên, muốn đoạn vui, đoạn khổ, thì trước diệt ưu hỉ. Còn ở bậc Sơ-thiên và Nhị-thiên, thì không có nói như vậy.”

- Hỏi : Tại sao mà Phật không nói như vậy ?

- Đáp : Sự vui sướng ở trong cảnh Tam-thiên, đối với thọ lạc trong tam giới có phần huyền diệu hơn, chính đó là chỗ tâm ham mê. Vì có tâm ham mê nên thành vô thường mới sanh ra khổ. Vì sự mừng còn thô kịch, nên chẳng đặng khắp cả thân thể. Tuy cũng là mất vậy, mà không sanh ưu nhiều. Bởi cố mà kinh Phật không nói tới đó.

Chẳng khổ, chẳng vui (16), nghĩa là : ở trong Tứ-thiên, duy có thọ chẳng khổ, chẳng sướng. Xả nghĩa là :buông bỏ sự vui sướng của Tam-thiên, mà theo chẳng khổ, chẳng sướng, chẳng nhớ, chẳng ăn năn. Niệm thanh-tịnh nghĩa là :diệt trừ bốn việc :ưu, hỉ, khổ, lạc, nên gọi là niệm thanh-tịnh.

- Hỏi : Ở trong ba bậc thiên trước kia, không nghe nói tới chữ thanh-tịnh, sao chỉ nói ở đây mà thôi ?

- Đáp : Ở bực Sơ-thiền , bởi có giác quán làm loạn, nên niệm không thanh-tịnh. Thí như đốt đèn ở chỗ sương sa gió tấp, tuy đủ dầu mỡ, mà vì có gió, có sương, nên đèn không chiếu sáng được.

Ở bực Nhị-thiền, tuy có một ý-thức chủ quyền, mà sự mông phát động mạnh quá, làm cho định tâm tán loạn, nên không nói : niệm thanh-tịnh.

Ở bực Tam-thiền, tâm hay ham mê vui sướng, làm rối loạn thiền-định, nên cũng không nói : niệm thanh-tịnh.

Lại ở các bực thấp, mặc dầu có định tâm, mà vì hơi thở còn vô ra, nên khó thâm tâm. Ở đây hơi thở hết vô ra, cho nên dễ thâm tâm. Vì dễ thâm tâm nên niệm thanh-tịnh.

Lại nữa, bực Tứ-thiền thì gọi là chơn-thiền (tức là nhứt tâm). Còn kỳ dư ba thiền kia là tùy phương tiện mà phân ra có giai-cấp. Bực Tứ-thiền này tử như chót núi, còn ba bực thiền kia kể như con đường leo lên núi. Cho nên Phật gọi bực Tứ-thiền là cõi bất động. Vì không có nơi nào động, nên cũng gọi là xứ yên ổn, điều thuận (phong điều vũ thuận).

Đây là tướng của bực Tứ-thiền, tử như người tập ngựa giỏi, tùy ý muốn đi tới đâu cũng được.

Người hành-giả đặng bực Tứ-thiền rồi, muốn thiết hành bốn thứ Vô-lượng tâm, thì theo ý muốn, sẽ đặng kết quả dễ dàng. Muốn tu phép Tứ-niệm xứ, thì tu cũng dễ. Muốn tu phép Tứ-niệm xứ, thì tu cũng dễ. Muốn đặng Tứ-đế, thì đặng cũng mau. Muốn vào Bốn cảnh không-định Vô-sắc, thì cũng dễ mà vào. Muốn đặng lục thông, cầu thì đặng ngay.

- Tại cố sao ?

Ở trong Tứ-thiền, chẳng khổ, chẳng sướng, xả niệm thanh-tịnh., điều khiển mặc tình. Như Phật thí dụ một anh thợ bạc đập vàng, đốt nấu đúng phép, muốn làm món nữ trang chi tùy ý, chẳng có một vật nào mà không làm được.

IV.- BỐN TÂM VÔ-LƯỢNG

a) TỪ TÂM VÔ-LƯỢNG.- Hỏi: Hành-giả làm sao đặng Từ tâm vô-lượng ?

-Đáp : Hành-giả căn cứ trên đệ Tứ-thiền, tưởng chúng sanh trên một thành, nguyện cầu họ đặng hưởng vui sướng. Rồi tưởng như vậy cho một nước, một cõi Diêm-phù-đề , bốn phương thiên hạ, một ngàn nước nhỏ, một ngàn nước vừa, một ngàn nước lớn (Ba ngàn Đại-thiên thế-giới). Cho tới chúng sanh ở mười phương, hằng hà sa số, vô lượng vô biên, đều đặng. Từ tâm của mình che khắp và cầu nguyện họ đặng vui sướng.

Thí như lúc thủy kiếp tới, hỏa-châu bị diệt mất, không còn hiện nữa để tiêu cạn nước. Đại hải Long-vương quá phát động lòng, do ý-niệm mà sanh nước, nước tràn ra khỏi biển. Còn trời mưa xuống, khắp cả thiên hạ. Trong lúc đó, nước đầy cùng trời đất đâu đâu cũng tràn ngập.

Hành-giả cũng thế, lấy nước đại-từ mà diệt trừ nóng giận, tiêu từ hỏa-châu, từ thủy phát tràn, lần lần rộng lớn thêm mãi, cho tới chúng sanh vô lượng vô biên ai ai cũng được nhuần gội, thường có chảy ra hoài, không dứt, hoặc là nghe thuyết pháp, tăng sức Từ tâm.

Thí như một đám mưa lớn, không có chỗ nào chẳng thấm nhuần. Hành-giả có lòng từ niệm chúng sanh, khiến cho họ đặng sự vui sướng, thanh-tịnh ở cõi thế. Lại cũng lấy sự vui sướng của mình đã đặng trong lúc thiên-định, mà nhượng giao cho chúng sanh. Lại cũng lấy sự vui sướng tuyệt khổ ở cõi Niết – bàn , cho tới sự thiệt sung sướng đệ nhất của chư Phật, nguyện nhượng giao cho chúng sanh ở mười phương, sáu nẻo, không ai chẳng đặng vui sướng.

- Hỏi : Như A-tì-đàm (17) nói, thế nào là Từ tâm tam-muội ?

- Quán tưởng hết thấy chúng sanh đều thấy họ đặng hưởng vui sướng.

Lại trong kinh nói :” Từ tâm tam-muội thấy họ ở khắp cả mười phương đều đặng hưởng vui sướng “. Sao chỉ nói : nguyện cầu họ đặng vui sướng?

- Đáp : Khi mới tập Từ tâm, hành-giả nguyện cầu cho họ đặng hưởng vui sướng. Chừng vào sâu trong Từ tâm tam-muội rồi, hành-giả sẽ thấy tất cả chúng sanh đều đặng hưởng sung sướng.

Cũng như cọ cây lấy lửa, ban sơ lửa có một chút, nhờ có cỏ khô thế lửa bắt mạnh ; như ở đất ướt cây mọc thành rừng, đều nhau một lượt. Từ tâm cũng thế. Khi mới vào cảnh quán, thì thấy người thọ lạc; đối kẻ chịu khổ, nguyện đem sức từ tâm đổi ra trọn thấy họ đặng sung sướng.

- Hỏi : Kỳ thiệt chúng sanh không đặng gì hết, Sao lại nói thấy cả thấy đặng sung sướng, mà chẳng phải là điên đảo ?

- Đáp : Định có hai cách :

1.- Quán chư pháp thật-tướng (quán tưởng thật-tướng của các pháp).

2.- Quán pháp lợi-dụng (quán tưởng cách lợi dụng các pháp).

Cũng như người thợ có hột chơn-châu, một mặt biết rành dáng hột châu sang hèn, tốt xấu ; một mặt khác thạo cách thế dùng.

Hoặc có người biết coi dáng, mà không biết cách dùng; hoặc có người biết cách dùng, mà không biết coi dáng; hoặc có người vừa biết coi dáng , vừa biết cách dùng luôn. Hành-giả cũng như thế.

Các bậc hiền-thánh chưa lìa dục-vọng, có thể quán pháp tướng của bốn chơn-đế , vv... mà không thiệt hành được, là vì chưa làm theo Vô-lượng tâm.

Như kẻ phàm phu lìa đục-vọng, làm các việc công-đức, biết cách lợi dụng, sanh ra bốn Vô-lượng tâm, là vì không biết quán thật-tướng.

Như các bậc A-la-hán trọn giải thoát, vv... vì quán được thật-tướng, lại tập đủ thiên-định, nên sanh bốn Vô-lượng, hiểu rõ phép bốn Vô-lượng cốt để lợi dụng, chớ không phải điên đảo.

Theo Phật pháp, thiệt sự là không có chúng sanh. Sao mà quán sự khổ làm thiệt có, sự sướng làm điên đảo?

Chỗ gọi điên đảo, là trong chỗ không có chúng sanh mà chấp trước ngã tướng, hoặc hữu thường, hoặc vô thường, hoặc hữu biên, hoặc vô biên vv... Điên đảo là tại đó.

Người tu hạnh “Từ” biết chúng sanh là cái tên giả, tử như bánh xe, thùng, gọng, vv.. hòa hiệp thành ra chiếc xe (chớ chia lìa ra manh mún thì chẳng có xe). Cho nên người hành-giả Từ tâm thanh-tịnh, mới là không phải điên đảo.

Nếu không có chúng sanh mà cho là thiệt có, lại thấy chúng sanh đặng sướng, định là điên đảo. Còn có chúng sanh, không có chúng sanh đều là biên kiến (trong vòng tương đối), thì không nên chỉ lấy sự có chúng sanh mà gọi là điên đảo.

Dựa theo sức Từ tam-muội, các hành-giả đều thấy cả thấy chúng sanh không một ai chẳng đặng sung sướng. Cũng như nhờ có sức nhập quán, thiên-định mà tại cảnh-giải sở-duyên, có thể đổi xanh làm đỏ. Huống chi chúng sanh đều có lạc tướng, mà lại không thấy như thế sao?

Như sang hèn, giàu nghèo, cầm thú, vv ... mỗi loài đều có sự sung sướng, xót thương lẫn nhau. Chỗ người sang lo thì người nghèo không có, chỗ người nghèo lo thì người sang không có.

- Hỏi : Về mấy đường khác có thể nói như vậy, còn ở Địa-ngục làm sao sung sướng được.?

- Đáp : Chúng sanh ở Địa-ngục cũng có phần sung sướng. Như ở xa thấy non đao, sông tro, đều gọi là cảnh sơn thủy, mà sanh tư tưởng vui; thấy con gái treo trên ngọn cây, thì cũng sanh tư tưởng vui.

Lại lòng ta điên đảo, nên ưa mến cái thân mình. Khi có ai muốn sát hại mình, thì chạy tránh khóc la, cầu xin kẻ giữ ngục tha thứ, phóng thích. Nếu họ chịu tha mình ra khỏi khổ đó, thì trong lòng mình cũng sung sướng. Chúng sanh, như các hạng kể trên đó, đều có phần sung sướng riêng.

Lại nhờ sức thần-thông, người thiệt hành Từ tâm dạy dỗ đủ cách, làm cho chúng sanh đặng sung sướng, hoặc tùy chỗ họ cần dùng mà giúp họ có được, cùng là do mình, miệng trợ họ làm nên những việc lợi ích.

Như chư Phật, Bồ-tát, thương tưởng tận đáy lòng, phá hoại các ác đạo, thiệt làm cho chúng sanh đặng mọi điều sung sướng. Bởi cố đó, chẳng phải nguyện cầu mà thôi, lại cũng làm cho chúng sanh thiệt đặng sung sướng nữa.

- Hỏi :Người thực hành Từ tâm có công đức chi ?

- Đáp : Người thiệt hành Từ tâm, các điều dữ chẳng xâm phạm đến mình , như người biết phòng thủ, dự bị, kẻ giặc ở ngoài không thể làm hại được. Nếu chúng nó toan phá hại, trái lại tự chúng nó thọ khổ. Cũng như người lấy bàn tay vỗ vào lưỡi dao bén nhọn, bàn tay tự nhiên phải đứt chảy máu, chớ lưỡi dao không hề hấn chi cả.

Năm thứ tà ngữ chẳng thể nào phá hoại cái tâm. Năm thứ ấy là :

- 1.- Nói dối,
- 2.-Rửa máng,
- 3.-Nói không phải thời,
- 4.-Nói lời độc dữ (hăm dọa),
- 5.-Nói điều không lợi ích.

Tử như đất đại-lục không thể nào ai phá hoại được, các thứ giận phiền, bài báng, vv... cũng không hủy hoại nó được. Thí như cảnh hư-không, không chi gia hại nó nổi. Tâm hòa, mềm dịu, tử như cái giáp sắt của trời ban (che phủ thân mình) nên tự-nhiên yên-ổn.

Người tu hành nhập cảnh Từ, dầu thú dữ như cọp, sói, như loài trăn rắn, đều không làm hại được.. Họ cũng như vào thành kiên cố, không bị kẻ giặc đâm chém , tức là đặng công-đức vô lượng như thế đó.

- Hỏi : Từ đức là như thế , còn từ pháp ra sau ?

- Đáp : Thương tưởng chúng sanh, nên thấy ai ai cũng đặng sung sướng. Đó là **tâm tương ứng pháp** (18), thuộc về hành ấm , kêu là **từ pháp**. Hoặc sắc-giải ràng buộc, hoặc không ràng buộc, “tâm-số pháp” (19), hiệp với “tâm” mà sanh, tùy tâm hành chớ chẳng phải sắc-pháp, chẳng phải là nghiệp. Nghiệp tương ứng , nghiệp hiệp sanh, tùy nghiệp hành chớ chẳng phải báo sanh.

Đó là tương ứng tu (đắc tu, hành tu), là tương ứng chứng (thân chứng, huệ chứng), hoặc là tư-duy đoạn, hoặc là không đoạn, hoặc là có giác, có quán, hoặc là không giác, có quán, hoặc là không giác không quán, hoặc có sự mắng , hoặc không có sự mắng, hoặc có hơi thở ra vô, hoặc không có hơi thở ra vô, hoặc bậc hiền thánh, hoặc kẻ phàm-phu, hoặc lạc thọ tương ứng , hoặc bất khổ bất lạc tương ứng. Nếu chẳng phải là đạo phẩm (người phẩm hạnh đạo đức cao) thì trước duyên tướng, sau duyên pháp.

Ở bậc Tứ-thiền và các bậc khác, vì duyên với vô lượng chúng sanh, nên gọi là Vô-lượng ; vì thanh-tịnh, vì từ niệm, vì có lòng liên-mẫn làm lợi ích, gọi là phạm hạnh (20), phạm thừa (21); dẫn tới cõi phạm thế, nên gọi là Phạm-đạo. Đó là con đường của chư Phật đời quá khứ thường đi.

- Hỏi : Tu tập Từ tâm là làm sao ?

- Đáp : Người tu hành xuất gia thì tưởng thâm rằng :” Ta đã cạo tóc cạo râu, chẳng còn ham trang sức, để phá tướng kiêu mạn (kiêu căn)”.

Muốn làm xứng phận-sự này, phải thiệt hành từ pháp. Nay đã mặc áo già, thì phải giữ đức từ, đừng cho tâm nhiễm. An của người ta, thì chẳng nên ăn vô lối.

Theo lời kinh nói, nếu có người tù-khưu, lần lần tu từ tâm, thì là y lời Phật dạy. Làm như vậy mới không ăn vô lối của tín-chủ bố thí.

Nếu người tu hành xuất gia, hay cư-sĩ, thường tưởng tới sức Từ tâm, thì dù ở nhằm đời hung dữ, cũng đặng yên ổn, không lo ngại chi cả. Dầu ở chỗ chúng phá hoại các pháp, tự mình cũng cứ phép mà tu; dầu ở chỗ não-nhiệt phiền-não, cũng giữ được tâm trong sạch, mát mẻ. Tỉ như ở gần xóm làng, có ao nước mát mẻ, trong sạch.

Người thiệt hành từ lực, không khi nào bị kẻ thù oán, bịnh ác độc làm hại người. Như kẻ mang dép da, gai gốc không phạm thương được vậy.

Hành-giả ở cõi Dục-giái, bằng có kẻ giận dữ toan hại, đấu tranh, sâu độc, hoặc gây nhiều sự hại khác.... Nếu mình có sức Từ tâm, thì cũng không chi tổn thương được. Thí như một người lực lượng mạnh mẽ, mang giáp kim-cang, cầm món binh khí sắc bén, tuy là xông vào trận địa lớn lao, chớ cũng không bị ai phạm thương.

Đức-từ có thể làm lợi ích cho ba hạng người :

1). Kẻ phàm-phu thiệt hành đức từ, trừ sự nóng giận, đặng phước đức vô-lượng, sanh về cõi thanh-tịnh, các phước đức ở thế gian không qua nó nổi.

2). Người cầu bậc Thinh-văn, Bích-chi Phật, ở cõi Dục-giái có nhiều sự nóng giận, từ lực có thể phá tiêu hết, cho đến các sự phiền não khác cũng bị diệt luôn, thì đặng lìa cõi Dục-giái, lần lần ra khỏi Tam-giái. Như lời Phật nói :” *từ tâm cọng cầu, cận tu Thất giác*”, Nghĩa là : Từ tâm có đủ, thì đã gần bậc tu Thất-giác chi.

3) Bậc Đại-thừa phát tâm độ chúng sanh, lấy đức từ làm căn-bổ. Như vậy thì Từ tâm, đối với ba hạng người, có lợi ích không lường.

Lại người mới tập từ đức, có 16 hạnh sau này, khiến cho người mau đặng đức từ, thêm lòng kiên cố, thường tiến tu hành :

- 1.- trì giới thanh tịnh (giữ giới-cấm chính-chấn),
- 2.- tâm bất hố (tâm chẳng quá ăn-năn),
- 3.- thiện pháp trung sanh hỷ (ý niệm sáng suốt khéo léo),
- 4.- khoái lạc (lòng luôn luôn vui khoái),
- 5.- nhiếp hộ ngũ tình (kê giữ năm tình),
- 6.- niệm xảo tiện huệ (ý niệm sáng suốt khéo léo),
- 7.- thân li, tâm li (thân lìa tâm cũng lìa),
- 8.- đồng hành, đồng trụ (đồng bước tới, đồng ngừng nghỉ),

- 9.- nhược thính, nhược thuyết, tùy thuận từ pháp (khi nghe khi nói
đề thuận theo từ pháp) ,
- 10.- bất não loạn tha nhơn (không làm khổ kẻ khác),
- 11.- thực tri tự tiết (ăn uống có tiết độ),
- 12.- thiếu ư thị ngọa (ít ngủ ít nằm) ,
- 13.- tỉnh ư ngôn thuyết (ít hay nói năng) ,
- 14.- thân tứ oai nghi, an ổn thích ý (giữ bốn oai nghi vững-vàng ,
đẹp ý),
- 15.- sở tu chi vật , tùy ý vô pháp (món vật cần dùng đầy đủ, theo
ý),
- 16.- bất hí luận chư pháp (chẳng nói diều, nói giỡn các pháp).

Thiệt hành 16 phép này cố để trợ Tư tam-muội.

b) BI TÂM VÔ LƯỢNG quán tưởng chúng sanh chịu khổ, như ở rong cõi Địa-ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, Thế-gian, họ bị các sự gia hình đồ tể, (mổ xẻ làm hàng), đói lạnh, bệnh khổ, v v... Rồi nhờ lấy cái dáng khổ đó, khiến Bi-tâm càng tăng. Cho tới những người đương sung sướng, mà cũng thấy họ khổ nữa.

- Hỏi : Sao lại cho sướng là khổ ?

- Đáp : Sự sướng là vô thường, sự sướng không đủ toại nguyện, do các nhân duyên sanh, nên mỗi niệm sanh diệt không có lúc nào trụ một chỗ, vì cơ đó mà khổ.

Như người cõi trời Dục-giới thọ lạc, như ngây như say, không còn biết chi khác, đến lúc sắp chết mới là giác-ngộ. Chúng sanh ở cõi trời Sắc-giới và Vô-sắc-giới vào sâu cảnh thiền-định, nếm mùi rồi tâm ham mê, khi mạng chung theo nghiệp nhân duyên còn thọ báo. Các chúng sanh đó có gì là sướng ?

Ba đường ác đạo là cảnh quê xưa. Còn cõi trời, cõi người, như quán xá để khách trọ, nghỉ tạm một lúc. Vì nhân duyên đó, Phật chỉ nói khổ-đế, mà không nói lạc-đế. Cho nên cả thấy chúng sanh, chẳng một ai không chịu khổ.

Lại chúng sanh rất đáng thương xót, vì không biết cái thiệt khổ. Ở trong chỗ điên đảo, bèn dám tư tưởng sung sướng. Đời nay, đời sau, chịu nhiều sự khổ-não, mà lòng không biết chán. Tuy có lúc tạm lìa khỏi khổ, mà rồi cũng trở lại cầu sự sung sướng kia, gây ra các việc khổ nữa.

Suy gẫm như thế, thay cả chúng sanh đều chịu khổ, đó là Bi-tâm. Còn các nghĩa Bi-tâm khác y như kinh Ma-ha diển luận, có giải trong bốn Vô-lượng.

c) HỈ TAM VÔ-LƯỢNG. – Người tu hành biết thiệt-tướng của các pháp, quán tưởng chúng sanh đang khổ mà đều có tướng sung sướng ; quán chúng sanh đương sung sướng mà đều có dáng khổ cực. Thế thì các pháp không có dáng nhứt định, chi chi đều do tâm lực chuyển biến ra thôi.

Nếu các pháp không có dáng như đinh , thì tu thành A-nâu-đa-la tam miếu tam bồ-đề (Tàu dịch ; Vô thượng chánh đẳng chánh-giác) còn không phải khó, huống hồ là pháp nào khác. Cứ theo ý muốn chi thì đặng nấy, cho nên trong lòng sanh hoan-hỉ.

Lại người tu hành tưởng thầm rằng :Ta nhờ trì giới tinh-tiến, vv... một ít, mà đặng lìa dục vọng, khi tu tập thành các môn thiền-định, thì sẽ đặng công-đức vô lượng. Tưởng tới công-đức lành, trong lòng bèn sanh hoan-hỉ. Thí như kẻ đi buôn, bán ra không bao nhiêu hàng hóa, mà lợi vô gấp trăm, ngàn lần, nên trong lòng rất hoan-hỉ.

Rồi tưởng thầm rằng : Ta đặng các pháp lợi ích như thế, là nhờ ơn đức của chư Phật. Phật tự nhiên đắc đạo, bèn đem đạo diễn thuyết cho người nghe. Mỗi người theo lời dạy đó mà tu hành , thì cũng sẽ đặng lợi ích như thế.

Lúc ấy, lòng tưởng niệm chư Phật mười phương, thân thể màu vàng như vàng ròng, tướng hảo trang nghiêm, đặng thập lực, vv... là pháp-thân công-đức không lường. Do lòng tưởng niệm Phật, nên trong lòng sanh hoan-hỉ.

Kế nữa pháp Phật đối với 96 loại ngoại đạo, có pháp thứ nhất là diệt hết các khổ, có thể đi đến cảnh thường lạc, nên trong lòng sanh hoan-hỉ.

Lại pháp Phật cũng chia làm ba loại :

1.- Niết-bàn vô lượng thường tướng (tướng hằng còn), là pháp cứu cánh bất hoại ;

2.- Niết-bàn phương tiện có tám đường Thánh-đạo ngay thẳng ;

3.- 12 bộ kinh, chỉ rành rẽ tám con đường nói trên.

Niệm pháp như vậy, thì trong lòng sanh hoan-hỉ.

Kế nữa, biết được thật-tướng như vậy, noi theo con đường chánh-đạo, lìa bỏ nẻo tà, đó là người chánh vậy. Các đệ-tử của Phật, đối với hết thấy các nhóm khác, luôn luôn chiêm ngời đệ nhất.

Tự mình suy gẫm ;” Nay ta ở trong nhóm đệ-tử của Phật, họ là bạn lành chơn chánh của ta, họ có thể làm lợi ích cho ta”. Vì các nhân duyên đó, trong lòng sanh hoan-hỉ.

Ta nguyện làm cho chúng sanh cả thấy đều đặng hoan-hỉ. Nhờ có định lực giúp sức thành tựu, nên ta thấy cả chúng sanh đều đặng vui vẻ.

d) XẢ TÂM VÔ-LƯỢNG.- Người tu hành xả là như nghỉ ngơi một chút, tâm hăng hái phải tạm thời tịnh yên. Trong lúc đó, duy quán chúng sanh một tướng, mà chẳng quán riêng từng tướng khổ, lạc, hỉ nữa.

Tỉ như đứa con trẻ, nếu thường cứng nó quá, thì tư cách nó bại hoại. Nếu làm cho nó khổ lắm, thì nó sợ sệt, ốm o. Cho nên có lúc phải xả cho nó đi chơi thông thả, không cứng mà cũng không ghét.

Người tu hành thì cũng y như thế. Nếu thường giữ từ, hỉ, tâm ắt phóng dật, vì có nhiều sự hỉ lạc. Nếu thường giữ bi, tâm sanh lo buồn, vì tưởng nhớ nhiều sự khổ. Cho nên phải tập hạnh xả, đừng cho vui khổ thái quá.

Kế nữa, người tu vào đạo, ném đặng mùi thiên-định, phân biệt chúng sanh có tốt, có xấu, có lành, có dữ.

Người lành thì cung kính thương nhớ, người chẳng lành thì đem lòng khinh rẻ. Cũng như người đặng nhiều trân châu quý giá, khi bạc dân nghèo, thấy ai có ngọc báu thì cung kính, thương tưởng. Hãy phá hai thứ tưởng đó, mà hành Xả-tâm.

Như trong kinh dạy, tu hành Từ-tâm, phá trừ nóng giận; tu hành Bi-tâm, phá trừ phiền-não; tu hành Hỉ-tâm, phá trừ sầu muộn; tu hành Xả-tâm, phá trừ thương ghét. Chỉ nên quán chúng sanh đặng giải thoát, cho nên làm chi cũng tùy tâm (đúng theo sở nguyện). Cũng như người quán cả cái rừng cây (tổng quát), mà chẳng quán từng cây một.

Lại như người thế đương lúc lạnh gặp ấm, đương lúc nắng đặng mát, món nuôi sống theo ý muốn, thì gọi là sung sướng. Nếu đặng ở yên trong một cái kho báu, ca múa, cười giỡn, thì gọi là mừng rỡ. Nếu mất hết các vật đó, thì gọi là sầu khổ. Bằng không có ba điều vừa nói trên, thì gọi là xả.

Người tu hành thì cũng y như vậy. Nếu ta có đủ bốn thứ tâm đó, thì trong mình nghe sung sướng, ta muốn chúng sanh đặng như mình. Tâm đã mềm-dịu (uyển chuyển theo ý muốn), thì sẽ thấy tất cả chúng sanh đều đặng các sự sung sướng ấy. Lại thấy các bậc hào quý trên các tầng trời, các cõi thế gian đặng sung sướng, nhờ cái tướng sung sướng của họ đó, muốn chúng sanh cũng đặng như vậy. Tâm đã mềm-dịu, thì sẽ thấy tất cả chúng sanh đều đặng các sự sung sướng ấy.

Lúc tu hành Từ-tâm, trong lòng sanh đại hỉ, nguyện đem cái đại hỉ đó, nhường lại cho chúng sanh. Hoặc khi thiên-định xong, đi lễ Phật, hay là lễ pháp chúng (các sư-trưởng), khen ngợi, cúng dường cũng đặng trong lòng vui vẻ, nguyện nhường lại cho chúng sanh sự vui vẻ đó, hay là lấy sự vui vẻ ở ngoài, nguyện đem giúp cho chúng sanh. Hoặc lúc tự mình thấy khổ, già, bệnh, buồn, phiền, đói, lạnh, khốn khổ, muốn cho chúng sanh thoát khỏi các khổ đó. Ta có thể phân biệt, trừ lượng (đo lường), giữ tâm nhẫn-nại, mà còn khổ não thay! Hà huống chúng sanh khoa”g có trí-huệ, chịu các khổ sở, làm sao không đau đớn, bèn sanh ra Bi-tâm.

Lại thấy kẻ ngoại-đạo gia hình, chém giết, đánh đập và, về mặt khác, nghe kinh nói :” Ac đạo thống khổ”, nhớ trạng-thái khổ sở đó, quán cả thấy chúng sanh đều thọ khổ, bèn sanh Bi-tâm.

Xả là tự mình buông bỏ thương ghét, cũng quán chúng sanh không có thương ghét và thấy chúng sanh ở ngoài khổ không sướng. Đó là bắt từ đệ Tứ-thiền, cho tới cõi Phi-tưởng phi-phi-tưởng, cùng là cõi Dục-giới không khổ không sướng. Nhớ cái trạng-thái đó rồi, quán tất cả chúng sanh cũng đều không khổ không sướng như thế.

Tỉ như ông phú-trưởng giả kia chỉ có một đứa con, thương tưởng hết sức, tâm thường từ mẫn, muốn làm sao cho nó hưởng hết các sự sung sướng ở thế –gian. Các phần mình đang hưởng, cũng muốn giao cho nó hưởng hết.

Lúc nào người con gặp các sự phiền-não , đau đớn, thì người cha rất có lòng thương xót. Nếu đứa con dạng thoát nạn, thì người cha rất vui vẻ. Tâm sanh vui vẻ rồi, liền buông bỏ hết, để cho đứa con tự trưởng thành, thì người cha đang yên ổn.

Người tu hành như thế theo bốn tâm Vô-lượng, quán cả chúng sanh, cũng như ông trưởng-giả kia lo lắng cho đứa con, tùy mình đang bao nhiêu các sự sung sướng và nhớ các thứ sung sướng của thế gian, nguyện đem nhượng chonó đang hưởng. Nhờ tự định lực, nên thấy tất cả đều đang sung sướng. Đây là người hành đạo do từ tâm mà khởi tu.

Nếu thấy chúng sanh chịu các điều khổ-não , nhờ trạng thái đó mà sanh Bi-tâm, rồi nhờ sức Bi-tâm nên thấy chúng sanh đều chịu khổ. Thấy chịu khổ rồi, muốn cho chúng sanh đều lìa các khổ ấy. Đây là do Bi tâm-muội mà khởi tu.

Nếu thấy chúng sanh sung sướng đắc Đạo, đang nhập Niết-bàn, thì do cái trạng-thái đó mà sanh Hỷ-tâm, muốn cho họ đang thì họ tự đang, tâm-thức mềm-dịu, thì sẽ thấy tất cả chúng sanh đều đang hoan-hỷ.

Do môn định này mà khởi tu, thấy chúng sanh chẳng khổ chẳng sướng, chẳng buồn chẳng mừng, thì nhớ cái trạng-thái đó , mà sanh tâm buông xả, muốn cho chúng sanh chẳng khổ chẳng sướng, chẳng buồn chẳng mừng. Nhờ khéo tu xả định lực, nên thấy tất cả chúng sanh chẳng khổ chẳng sướng, chẳng buồn chẳng mừng, đang khởi các phiền-não đốt nóng.

Nếu chúng sanh có nhiều tội lỗi, thì buông xả mà không hỏi tới. Bằng họ cung kính, yêu chuộng quá, thì cũng chẳng lấy làm mừng. Đó là Xả-tâm.

Bốn thứ nghĩa Vô-lượng nói trên đều do kinh Ma-ha-diễn (Đại thừa) giảng giải.

THIÊN-PHÁP YẾU GIẢI

CUỐN THỨ NHÌ

Diêu-Tần Tam-Tạng Cứu-Ma-La-Thập dịch ra chữ Tàu,
Nguyễn Minh Thiện dịch ra chữ Việt.

V.- BỐN CẢNH KHÔNG ĐỊNH

a) KHÔNG-VÔ-BIÊN XỨ.- Nếu muốn cầu hư-không định, người tu hành phải nghĩ như vậy :” Sắc là món gây ra đủ thứ khổ, như roi hèo phá vỡ, giết hại, như đói lạnh, già bệnh, vv ... đều do sắc mà ra vậy”. Nghĩ như thế rồi, thì lìa bỏ sắc, đặng cảnh hư-không.

- Hỏi : Chánh người tu hành mượn sắc là thân, thì làm sao mà lìa bỏ nó được ?

- Đáp : Các phiền-não là nhân-duyên của sắc, và lại dính với sắc. Nếu phiền-não đó diệt (thì hết sanh sắc), nên gọi là bỏ sắc.

Lại nữa, tập cách hành phá sắc, quán pháp như hư-không, thì đặng lìa sắc.

Theo lời Phật dạy, bực Tì-kheo vào bực Tứ-thiền quán ngũ ấm như bệnh hoạn, như ung thư, như ghẻ chốc, như gai góc, là : vô thường, khổ, không, vô ngã. Quán như thế thì sẽ lìa được ngũ ấm của đệ Tứ-thiền. Bởi các ấm khác đều tùy thuộc sắc, nên chỉ nói sắc là đủ biết.

- Tại sao ?

- Bởi sắc rốt cuộc sẽ tuyệt dứt.

Người tu hành quán sắc, chia chẻ từng mảnh nhỏ, thì không còn chi sắc. Như thân thể chia ra có đầu, cằm, vai, tay, vv... các tên, chia ra từng mảnh khác nhau, thì không có thân nữa. Như cái đầu chia ra mắt, tai, mũi, lưỡi, râu, tóc, da, thịt, vv... từng mảnh khác nhau, thì không có đầu nữa. Như con mắt chia ra tứ đại, tứ trần, thân căn, nhãn căn... mười vật hòa hiệp thành ra thịt trắng, đen,, vv... gọi là con mắt. Nếu phân biệt từng mảnh, thì không có con mắt nữa. Như đất vv... mà chia từng mảnh thì cũng như thế.

Hỏi :” tứ đại sở tạo”, của nhân căn không thể thấy sắc, làm sao mà phân biệt ?

Đáp : Tứ đại sắc và “Tứ đại sở tạo” : tịnh sắc hòa hiệp, nên gọi là con mắt. Nếu bỏ các sắc ấy ra, thì không còn có mắt. Lại thứ tịnh sắc đó, tuy là không thể

thấy được, mà vì có tương đối nên có phân chia, có phân chia nên không có con mắt.

Lại nữa, cái chi thấy được sắc thì gọi là con mắt. Nếu trừ sắc tứ đại và sắc “Tứ đại sở tạo” ra, thì không có con mắt. Nếu không có con mắt mà thấy được sắc, thì lỗ tai cũng có thể làm con mắt. Nếu con mắt thuộc về sắc pháp, thì vì cố tất cả sắc pháp có chỗ ở riêng (chiếm một khoảng không gian), bị chia manh mún, thì cũng có thể phân biệt. Mà nếu có thể phân biệt, thì thành ra có nhiều con mắt.

Nếu nói các vi-trần “ Tứ đại sở tạo “ là con mắt, thì chẳng phải một con mắt. Nếu hết thấy không phải con mắt, thì một con mắt cũng không có.

Nếu nói vi-trần là con mắt, thì cũng không phải vậy, Tại sao ? Nếu vi-trần có sắc, hiện thấy mười phương, thì chẳng gọi là vi-trần. Nếu không phải sắc , thì không gọi là con mắt.

Lại nữa, có thể vi-trần định có bốn phần : sắc, hương, vị, xúc. Con mắt này không phải là bốn món đó. Tại sao ?

Con mắt thuộc về phần trong thân nhiếp, tứ đại thuộc về phần ngoài thân nhiếp. Vì cố đó, mà không định lấy các vi-trần làm con mắt.

Như Phật nói : “ Nhờ các sự hòa hiệp mà thấy sắc, tạm gọi là con mắt, chớ không phải thiệt có. Cho đến lỗ tai, lỗ mũi, lưỡi, da, thịt, xương, vv... thì cũng y như thế mà phá”. Đó là phá thân tướng bên trong. Các sắc ở ngoài, như cung điện, tài vật, vợ con, vv.. cũng đều phân biệt mà phá như thế..

Như Phật kêu La-Đà mà nói: “Kể từ nay, người phải phá tan sắc, xé hoại sắc, khiến cho không còn sắc nữa.” Phân biệt như vậy được, gọi là lìa sắc.

Lại nữa, như Phật dạy : “ Nếu các ti-kheo muốn lìa sắc, thì vượt qua tất cả sắc tướng, diệt tất cả đối tượng, chẳng tưởng tất cả tướng lạ, mới vào vô-lượng Hư-không xứ”. Vượt qua tất cả sắc tướng là chỉ các thứ sắc có thể thấy được ; diệt tất cả đối tượng là chỉ sắc có tương đối, mà không thể thấy được ; chẳng tưởng tất cả tướng lạ là chỉ sắc không tương đối chẳng thể thấy được.

Lại kể, vượt tất cả sắc tướng là chỉ các thứ sắc tướng, như xanh, vàng, đỏ, trắng, hương, tíá vv... Diệt tương đối là chỉ thính , hương, vị, xúc, vv ... Chẳng tưởng tất cả tướng lạ là chỉ : lớn, nhỏ, dài, vắn, vuông, tròn, xa, gần vv... Ai lìa tất cả sắc tướng như thế, thì định vào cõi Hư-không.

Người tu hành buộc tâm vào hư-không trong thân. Đây là nói : miệng, mũi, yết-hầu, mắt, tai, ngực, bụng , vv... .Mình đã biết sắc là gốc sanh phiền-não, hể giữ trống không thì vô hại, cho nên tâm vui với cảnh Hư-không.

Nếu tâm định tại sắc, dẫn nó về không, tâm trở nên mềm-dịu, làm cho cái hư-không trong thân, lần lần rộng lớn, tự mình sẽ thấy sắc thân, như lòng trống ngó sen (như lòng trống ống tre).

Tập như vậy cho rành, thấy thân trọn không, không còn có sắc, thì sắc ở ngoài cũng vậy. Trong ngoài hư-không, hiệp như một cảnh không. Lúc ấy tâm duyên với hư-không, rộng vô lượng vô biên, thì hết tướng sắc, yên ổn khoái lạc.

Tỉ như con chim trong lồng, lồng hư nó lọt ra ngoài được, bay liệng trên hư-không, không có chi đụng chạm chướng ngại. Đó gọi là : **Sơ vô sắc định** (định buổi đầu không thấy sắc).

Người tu hành biết trong hư-không, có thọ, tướng, hình, thức, như bịnh-hoạn, như ung-thư, như ghẻ chốc, như gai gốc, vô thường, khổ, không, vô ngã, lại tiến cầu diệu định, thì lia được cái duyên hư-không. Tại sao ?

Biết đó là hư-không tâm tướng ra, gạt gẫm, dối giả, trước không nay có, đã có rồi huờn lại không, là do thức mà có, bèn gọi thức là chơn.. Nên quán thức mà thôi, bỏ cái duyên hư-không.

b) THỨC-VÔ-BIÊN XỨ.- Lúc tập quán thức, lần thấy thức tướng nối nhau (tương tục) mà sanh, tỉ như lưu thủy (nước chảy trong sông), đặng diệm (ngọn lửa đèn cháy). Trong cảnh vị-lai, hiện-tại, quá-khứ, thức này nối với thức kia, vô lượng vô biên.

- Hỏi : Tại sao Phật nói :Thức-xứ vô lượng, vô biên.?

- Đáp : Thức mà rời duyên được, nên gọi là vô biên. Vì các pháp duyên vô biên.

Người tu hành nếu tâm đặng mềm-dịu, mới khiến thức rộng lớn, cho tới vô biên. Đó mới gọi là vô-biên-thức xứ.

- Hỏi : Cõi thức-xứ này gồm có bốn ấm, sao chỉ gọi là Thức-xứ mà thôi?

- Đáp : Thức là chủ hết thấy các pháp bên trong. Các thứ tâm-số-pháp đều tùy thuộc thức. Nếu nói Thức-xứ, tức là nói luôn các việc khác.

Lại trong Dục-giải, SẮC ấm làm chủ ; trong sắc giải, THỌ ấm làm chủ ; trong Hư-không xứ , Thức-xứ, THỨC ấm làm chủ ; trong vô-sở-hữu xứ, TƯỚNG ấm làm chủ ; trong phi-tướng phi-phi-tướng xứ, HÀNH ấm làm chủ.

Lại nói về ba pháp : thân, tâm, tâm-số-pháp :Trong cõi Dục-giải, Sắc-giới, ta lấy thân làm chủ, vì tâm phải tùy thân. Nếu không có thân nữa, thì chỉ dùng tâm lực.

Tâm có hai phần:

1.- Duyên không,

2.- Tư duyên,

cho nên có hai xứ : Không-xứ và Thức-xứ. Nhưng ban sơ phá sắc, nên lấy hư-không làm tên là vì phá hư-không, nên chỉ lấy một mình thức mà đặt tên.

Tâm-số-pháp cũng có hai phần, một phần là tướng, một phần là hành. Cho nên cũng có hai xứ :

1.- TƯỚNG thuộc về vô-sắc-hữu xứ,

2.- HÀNH thuộc về Phi-tướng phi-phi-tướng xứ.

Nhờ duyên với thức, mới lia được Hư-không xứ. Bởi có đó, tuy cũng có các ấm khác, nhưng chỉ lấy thức làm tên.

Người tu hành đặng Thức-xứ rồi, lại tiến cầu diệu định quán thức huyễn, như trên đã nói.

Quán thức như huyễn, dối giả, gạt gẫm, thuộc về các nhân duyên, nên chẳng đặng tự-tại. Hễ có duyên thì sanh, bằng không duyên thì diệt.

Thức chẳng trụ, thì tình cũng chẳng trụ, duyên cũng chẳng trụ. Trong khoảng giữa, chẳng phải có chỗ trụ, mà cũng chẳng phải không có chỗ trụ. Vì thức tướng như thế, nên Thế-tôn nói rằng :”Thức như huyễn “. Người tu hành xét nghĩ như vậy rồi, thì lia được Thức-xứ.

Lại người tu hành tưởng như vậy :: Ngũ dục dối giả, gạt gẫm thì sắc cũng vậy. Nếu sắc dối giả, gạt gẫm, thì hư-không cũng vậy. Nếu hư-không dối gạt, thì thức tướng cũng vậy. Cả thấy đều là dối gạt, mà chúng sanh lầm mê, bởi cố nên gọi : Các pháp đều không, chẳng có chi hết. Đó là chỗ yên ổn”. Nghĩ như vậy rồi tức là vài cõi Vô-sở hữu.

c) VÔ-SỞ- HỮU XỨ .- Hỏi : Cõi hư-không xứ và Vô-sở-hữu xứ sai biệt nhau ở chỗ nào ?

- Đáp : Trước kia , tâm tưởng hư-không làm duyên. Còn ở đây, tâm-tưởng Vô-sở-hữu (khônng có chi hết) làm duyên, ấy là chỗ sai-biệt nhau đó.

Người tu hành vào Vô-sở-hữu xứ rồi, ai là người lợi căn (sáng suốt) cảm biết trong đó còn có : thọ, tưởng, hành, thức, nhằm chán như trước đã nói.. Còn người độn căn (tối tăm) không thể cảm biết được.

Lìa vô-sở hữu xứ, có ba nhân duyên : kiến hữu, kiến vô, kiến phi hữu kiến phi vô. Kiến hữu từ Dục-giải cho tới Thức-xứ. Kiến vô ở Vô-sở-hữu xứ.

Kiến Phi-hữu phi-vô ở Phi-tướng Phi-phi-tướng xứ. Thứ kiến vô này, lý ứng phải lìa bỏ. Tại sao ? Phi-tướng Phi-phi-tướng tuy là vi tế, mà cũng phải lìa bỏ, hà huống là Vô-sở-hữu xứ.

Ai nghĩ như vậy rồi, thì lìa Vô-sở-hữu xứ.

- Hỏi : Như trong Phật-pháp cũng có không Vô-sở-hữu . Nếu quả thiệt vậy, tại sao gọi là tà kiến, lý ứng phải lìa bỏ ?

- Đáp : Phật-pháp dùng nó mà phá sự chấp trước, nên nói : Vô-sở-hữu xứ chẳng phải thiệt. Nếu nói là thiệt, thì cũng còn mê chấp kiến ái. Chúng sanh ở trong đó, vì lẽ quả báo đã định, nên theo nghiệp nhân duyên, mà còn chịu quả báo. Vì có đó, nên buông bỏ. Cái tên tùy tương tự, kỳ thiệt hai bên khác nhau.

d) PHI-TƯỚNG PHI-PHI-TƯỚNG XỨ. –Người tu hành nghĩ như vậy :

Các xứ có tư tưởng đều là thô thiển, có hại, như bệnh hoạn, như ung thư, như ghẻ chốc, như mũi tên. Còn chỗ không tư tưởng là xứ ngu-si (vô tri vô giác như sắt đá).

Nay có chỗ tịch-diệt vi diệu là đệ nhất xứ, gọi là : Phi-tướng Phi-vô-tướng xứ.

Quán như vậy rồi, thì lìa Vô-sở-hữu xứ, chỗ có tướng, tức là vào cảnh Phi-hữu-tướng Phi-vô-tướng xứ.

- Hỏi : Vậy chỗ trong cõi này, có tư tưởng hay là không có tư tưởng ?

- Đáp : Cái này có tư tưởng.

- Hỏi : Nếu nói rằng có tư tưởng, thì sao chỉ nói : từ ngôi thất địa bồ-tát sắp xuống, mới gọi là tướng định ?

- Đáp : Ở ngôi này, tư tưởng vi tế chẳng lợi, công dụng của nó chẳng rõ rệt, nên chẳng gọi là tư tưởng. Cái tâm của người tu hành ở xứ này gọi là :Phi-tướng Phi-vô-tướng. Cho nên Phật lấy cái tên này mà đặt tên xứ là :Phi-hữu-tướng Phi-vô-tướng xứ.

Kẻ độn-căn chẳng biết trong xứ này có bốn ấm, bèn gọi nó là Niết-bàn, là chỗ yên ổn nhất, bèn sanh lòng Tăng-thượng-mạn (22). Hễ sống đủ 8 muôn kiếp rồi, thì cũng đọa trở lại vào vòng lục đạo.. Ở đây có bốn ấm, tuy vi tế, thâm diệu, nhưng ai lợi căn thì mới biết được. Nếu biết rồi thì nhàm chán, mới nghĩ rằng : Đây cũng là tác-pháp hòa hiệp, mà các pháp nào do nhân duyên hòa hiệp sanh ra, thì đều giả-dối, gạt gẫm, chẳng thiệt, như bệnh hoạn, như ung thư, như ghẻ chốc, như mũi tên ; vô-thường, khổ, không, vô ngã, thì cũng còn nhân duyên kiết sanh đời sau, lý ưng lìa bỏ” Bởi có chỗ hại, nên phải học Tứ –đế.

- Hỏi : Khi bỏ mấy xứ kia, sao không nói đến Tứ-đế. ?

- Đáp : Trước đã nói : như bệnh hoạn, như ung thư, như ghẻ chốc, như mũi tên ; vô thường, khổ, không, vô ngã, thì có lược thuyết Tứ-đế rồi, nhưng chưa giảng rộng đó thôi.

Vả lại, ở các xứ kia cũng không trở ngại, khó khăn, dầu kẻ phàm- phu theo đạo hữu-lậu, cũng có thể đi qua được. Còn muốn vượt qua cái đánh Thế-gian này, thì chỉ có học thuyết của Thánh-nhơn là đạo vô-lậu, mới là vượt khỏi được.

Thí như con chim mà giò chơn bị dây trói buộc. Ban đầu, tuy nó còn đi được, mà chừng dây kia căng thẳng giựt lại thì nó phải trở lui. Chừng nào sợi dây ấy đứt , con chim kia mới bay luôn được. Kẻ phàm-phu cũng thế, tuy họ qua khỏi mấy xứ khác, mà Ma-vương không lấy gì làm kinh sợ. Nếu vượt khỏi chỗ Hữu đánh (23) thì

Ma-vương mới hết hồn. Tỉ như sợi dây đứt, chim bay bổng đi tuốt. Vì cố đó, mà ở các xứ khác, chẳng nói tới Tứ-đế.

Chỗ Hữu-đánh là cửa trọng-yếu của Tam-giải. Muốn vượt khỏi cái cửa này, cần phải học Tư-đế.

VI.- TỨ-ĐẾ VÀ BÁT-CHÁNH-ĐẠO

- Hỏi : Sao gọi là Tư-đế ?

- Đáp : Tư-đế là : khổ đế, tập đế, diệt đế, đạo đế.

Khổ có hai loại : thân khổ và tâm khổ.

Tập cũng có hai loại :kiết-sử (tình dục sử khiến) và não triền (khổ não buộc ràng).

Diệt cũng có hai loại : Hữu-dư Niết-bàn và Vô-dư Niết bàn.

Đạo cũng có hai loại : Định và Huệ.

Một mặt khác, khổ đế có hai thứ : khổ-đế và khổ-thánh-đế. Khổ-đế là tướng sâu-não, nên gọi ngũ thọ ấm (24) là khổ đế. Khổ thánh-đế là muốn thấy biết (tìm hiểu), cho nên tu đạo thì gọi là khổ thánh-đế.

Tập đế có hai thứ : tập đế và tập thánh-đế. Tập đế là tướng xuất sanh (tức là tướng sanh ra các thứ khổ). Chỗ gọi kiến, ái, v.v ... các phiền-não là tập đế. Tập thánh-đế là muốn đoạn trừ phiền-não, cho nên tu đạo gọi là Tập thánh –đế.

Diệt đế có hai thứ : diệt đế và diệt thánh-đế. Diệt đế là tướng tịch-diệt (Niết-bàn). Chỗ gọi bốn quả sa-môn (25) là diệt đế. Diệt thánh-đế là muốn chứng quả Niết-bàn, cho nên hành đạo thì gọi là diệt thánh-đế.

Đạo đế có hai thứ : đạo đế và đạo thánh-đế . Đạo đế là tướng xuất đế (con đường đi tới chỗ) ; chỗ gọi bát Chánh-đạo là đạo đế. Đạo thánh-đế là để tu trì bát Chánh-đạo, cho nên hành đạo thì gọi là đạo thánh-đế.

Lại đế có hai loại nữa là : tổng-tướng và biệt tướng.

Tổng-tướng của khổ là ngũ thọ -ấm. Biệt tướng của khổ là rộng phân biệt sắc ấm và thọ, tướng, hành, thức ấm (ngũ ấm).

Tổng-tướng của tập là hay sanh lòng mến hậu thân (mất thân này muốn có thân khác). Biệt tướng của tập là rộng phân biệt các phiền-não như kiến, ái, v.v... cùng là các nghiệp hữu-lậu làm nhân duyên cho ngũ thọ ấm.

Tổng tướng của diệt là hết sanh lòng mến hậu-thân. Biệt tướng của diệt là cũng hết rộng phân biệt 89 giống tà kiến (?).

Tổng tướng của đạo là bát Thánh-đạo. Biệt tướng của đạo là : rộng phân-biệt từ khổ pháp-nhân (26) cho tới vô-học đạo (27).

Nếu ai không thông hiểu Tứ đế, thì bị luân hồi mãi trong vòng ngũ đạo, lên lên xuống xuống, sống chết không bao giờ dứt.

Vì các cố đó, hành-giánên nhớ rằng : hết thấy các khổ-não, như : già, bệnh, chết, vv... đều là do mình có thân mà sanh ra. Thí như các loài cây cỏ đều từ dưới mặt đất mà mọc lên vậy.

Như kinh nói : chúng sanh trong mười phương có thân là vì phải thọ khổ, nên mới sanh ra đời. Thí như món đồ ăn độc, dầu tốt, dầu xấu, đều là món giết người.

Nếu ta không có thân tâm, thì tự nhiên các khổ : già, bệnh, chết không có chỗ bám vào. Như gió lớn thổi, gãy cây đại thọ. Nếu không có thân cây căn gió, thì làm sao có chỗ hư hoại ?

Như trên đã nói sơ, thân tâm là gốc sanh khổ. Tỉ như có hư-không mới có thể sanh gió, có cây mới có thể sanh lửa, có đất mới có thể chận (chứa) nước, thì thân cũng vậy có nó mới có thể sanh khổ.

Tại sao ?

Bởi ta có thân, nên già, bệnh, chết, đói, khát, nóng, lạnh, mưa, gió, vv... các thứ khổ thường đeo đuổi theo thân. Vì ta có tâm, nên lo rầu, sợ hãi, giận –phiền, tật-đố, vv... Các thứ khổ thường đeo đuổi theo luôn.

Nếu ta biết sự khổ hiện-tại của thân, thì sự khổ quá-khứ của thân cũng thế. Nếu hiện-tại, quá-khứ thân phải chịu khổ, thì thân vị-lai lại khác nào. Thí như nay thấy hạt giống lúa sanh mạ, hãy tỉ loại mà suy thì biết hồi quá- khứ và lúc vị-lai hạt giống lúa cũng sanh như thế. Lại như hiện-tại lửa nóng, hãy tỉ loại mà suy thì biết lửa quá-khứ, vị-lai cũng nóng như thế.

Nếu không có thân tâm, thì trước kia không có khổ, ngày nay cũng không có khổ, sau này cũng không có khổ. Phải biết ba đời thống khổ đều là do thân tâm mà có. Bởi cố đó, phải quán khổ đế. Làm như vậy, thì tâm sanh nhàm chán.

Những đau khổ đó đều do các phiền-não, như kiến, ái, vv ... làm nhân duyên sanh ra. Chẳng phải tại trời Tự-tại, chẳng phải tại thời-gian, chẳng phải tại tứ-nhiên, cũng chẳng phải không nhân duyên (theo thuyết ngoại đạo).

Nếu lìa các thứ phiền-não, thì khổ không còn sanh. Phải biết các cõi thế-gian đều do các phiền-não : kiến, ái, vv... sanh ra. Như người ta làm việc chi, trước hết đều phải có ý muốn. Bởi cố đó, các phiền-não là nhân duyên sanh khổ..

Lại nữa, do ái thủy (nước tình-ái) ta mới có thân. Nếu không có ái thì chẳng làm sao có thân được. Như đất khô không lấy nó mà đắp vách được. Nhờ có nước hòa, đất ấy mềm-dẻo thì đắp mới dính.

Vì các thứ phiền-não khác nhau, cho nên thân sanh ra có nhiều loại chẳng đồng. Như kẻ đa dục, thì lãnh cái hình đa dục. Kẻ đa sản, thì lãnh cái hình đa sản. Kẻ đa si, thì lãnh cái hình đa si. Kẻ ít phiền-não, thì lãnh cái hình ít phiền-não.

Xét thấy quả-báo đời nay khác nhau, thì biết trước kia nhân duyên mỗi thứ mỗi khác. Qua đời sau, ta cùng tùy loại phiền-não mà lãnh một cái thân sai biệt cũng là thế. Nếu không có giận phiền, thì chẳng lãnh cái hình rắn độc. Tất cả hình khác thì cũng như thế đó.

Vì cố mà biết rằng các phiền-não, như kiến, ái, vv... là nhân duyên sanh đủ thứ khổ. Hết nhân duyên của khổ hết rồi, thì sự khổ cũng chấm dứt, đặng chứng Niết-bàn.

Chữ Niết-bàn nghĩa là : lìa dục, đoạn hết các thứ phiền-não, thường trụ không biến đổi. Trong đó không sanh, không già, không bệnh, không chết, không có thứ khổ thương yêu nhau mà phải xa lìa, ghét giận nhau mà phải hội hiệp, thường vui vẻ chẳng ngớt.

Kẻ hành-giả đặng chứng Niết-bàn, lúc diệt độ, chẳng phải đi tới chỗ nào mà gọi là tịch-diệt. Thí như đốt đèn, hết dầu mỡ thì đèn tắt, chẳng phải đi tới phương nào mà gọi là diệt đế.

Trong các phương-tiện để chứng được Niết-bàn thì : ĐỊNH có ba thứ, HUỆ có hai thứ , GIỚI có ba thứ.

Luôn luôn giữ giới, để tu hành Định, Huệ . Chỗ gọi : ở trong Tứ-đế, Huệ có thể hiểu biết và quyết định, thì gọi là Chánh-kiến. Rồi nhờ Chánh-kiến, giác ngộ phát khởi, thì gọi là Chánh Tư-duy. Đó gọi là phần Huệ có hai thứ : Chánh-kiến và Chánh tư-duy.

Chánh-định, Chánh-niệm, Chánh tinh-tiến, đó gọi là phần Định có ba thứ .

Chánh-ngữ , Chánh-nghiệp, Chánh-mạng, đó gọi là phần giới có ba thứ.

Nhờ giữ chắc tịnh-giới, cho nên các mầm phiền-não chẳng lớn thêm, thế -lực lần lần suy nhược. Như trồng cây sái mùa, mầm cây èo-uột. Các phiền-não đến, thì phần định có đủ sức ngăn. Tỉ như núi lớn ngã xuống nước, nước không thể nào hư hoại. Thí như bùa chú có thể ngăn căn rắn độc. Tuy là độc cũng còn, mà nó không thể làm hại người. Phần định cũng như thế.

Huệ có thể bứng hết gốc rễ của các thứ phiền-não. Như nước sông mùa hạ đầy tràn, các cây cối trên bờ chẳng có cây nào chẳng trốc gốc, nổi trôi.

Tu hành đủ ba phần của Bát Chánh-đạo đó, theo đường lối ngay thẳng, chánh chơn, có thể diệt hết các nguyên-nhân sự khổ, rốt cuộc sẽ đặng yên-ổn, thường vui, vô-vi. Còn các phương-tiện để khởi tập theo môn này, thì có mười việc :

1.- Tâm chuyên-chánh. Các việc ngoài không thể đến khuấy phá lay chuyển, tỉ như bốn phương gió thổi, mà các hòn núi không động lay vậy

2.- Chất trực (thiệt thà, ngay thẳng). Nghe thầy nói pháp chẳng thấy giỏi dở, tâm không thêm, bớt, vững dạy không lòng ngờ vực. Thí như vào rừng rậm đốn cây, gặp cây nào ngay thẳng thì đem ra dễ dàng ; cây nào cong vạy thì khó đem ra được.

Tam giải tử như rừng rậm thì cũng thế. Ai ngay thẳng thì dễ đi ra ; ai cong vạy thì khó ra được. Trong pháp Phật, chỉ dùng cái ngay, mà bỏ hết cái vạy.

3.- Tam quỷ (hổ thẹn). Đó là cái giáp sắt thứ nhất tối diệu trang-nghiêm. Tam quỷ hay chế ngự các thứ ác tâm. Ai biết hổ-thẹn mới phải là con người. Nếu không hổ-thẹn, thì khác nào súc-vật.

4.- Bất phóng dật (không thả lỏng chơi bời). Đó là căn-bổn của các pháp lành. Như người ở thế-gian phóng dật, thì hư hỏng các quyền lợi. Còn kẻ tu hành phóng dật, thì mất lợi Niết-bàn.

Phải biết tánh phóng dật như kẻ thù oán, như tên giặc dữ, tâm phải hằng xa lánh. Biết tánh bất phóng dật tử như vua, cha, thầy, thì phải vâng lời dạy, chớ khá bỏ qua.

5.- Viễn li (xa lánh).Nhơn vì có các viễn li này, mới trọn thành tánh bất phóng dật. Nếu thường gần năm thứ dục, các mối tình phát lên mạnh.

Trước hết, thân phải tránh xa chỗ xóm làng. Kế đó, tâm lánh xa, đừng tưởng tới việc đời.

6.- Thiếu dục (ít lòng ham muốn). Trong lòng không mong cầu nhiều vật dưỡng sanh. Nếu mong cầu có nhiều, thì phải vương nhiều phiền-não.

7.- Tri túc (biết đủ). Cổ người tuy ít có lòng ham muốn, mà lại ưa món đồ tốt đẹp, thì đủ làm bại hoại đạo tâm. Cho nên người trí vừa đủ dùng thì thôi.

8.- Tâm bất hệ trước (lòng không dính líu). Nếu đối với kẻ đê-tử, đàn-việt (hộ đạo), người quen biết, bà con xóm giềng mà thăm hỏi, đưa rước, gây ra nhiều mối liên lạc, nhiều việc như vậy làm cho hư đạo, cho nên chẳng khó có lòng dính líu với ai.

10.- Nhẫn nhục. Người tu hành lúc cầu đạo, phải rán chịu mười điều khổ là :

- 1.- Muối mòng chích,
- 2.- Rắn độc cắn,
- 3.- Thú dữ,
- 4.- Chưởi rửa, chê bai,
- 5.- Đánh đập, ném đá làm hại,
- 6.- Bệnh đau nhứt,
- 7.- Đói,
- 8.- Khát,
- 9.- Lạnh,
- 10.-Nóng.

Người tu hành phải rán chịu các điều khổ đó, đừng để nó lấn lướt mình, tự mình phải thắng nó cho được. Tử như ông thầy thuốc biết bệnh trạng , rõ thấu căn bệnh, biết thuốc trừ bệnh, xem qua người bệnh rồi, hiểu cho họ cần dùng, đầu thang ngay vào đó, chẳng lâu thấy bệnh mạnh lành.

Nếu kẻ tu hành y như thế biết thiệt trạng của sự khổ, rõ thấu nhân duyên gay khổ, biết phương pháp trừ hết khổ, biết được cả thầy hay, cố học với thầy như vậy, thì chẳng sẽ đặng yên-ổn, tích- diệt.

- Hỏi : Đã đặng Phi-trưởng phi-phi-trưởng xứ rồi, vào sâu trong cảnh thiên-định, tuy ở bậc trên cao cũng còn chút ít kiết-sử, nhưng tâm đã mềm-dịu (dễ sử khiến), chẳng ứng tiếp với các thứ nhân duyên, các loại thí dụ, mà quán Tứ đế, dường như không tin. Tại sao ?

- Đáp : Chẳng phải nói riêng cho bậc Hữu-đảnh. Đây là nói chung cho tất cả những người ở bậc Hữu-đảnh (công phu đã thành tựu rồi), mà còn quán bốn ấm cõi vô sắc giải, là vô thường, khổ, không, vô ngã, như bệnh, như ghẻ, như mũi tên ghim vào tâm, thì quán vô thường, khổ, không, vô ngã đều là tác-pháp (công-phu) thuộc về nhân duyên đối gạt (28)

Quán Niết-bàn cao cả, yên ổn, khoái-lạc, cũng chẳng phải là tác pháp chơn thiệt, chẳng dối. Hãy diệt tam độc, tam suy (29), thì cái khổ của thân tâm cũng theo đó mà diệt. Thường khiển trách bốn ấm và nhân duyên sanh nó ra, thì gọi là khổ đế, tập đế. Thường khen ngợi Niết-bàn và các Chánh đạo, để về Niết-bàn, thì gọi là diệt đế, đạo đế.

VII.- NGŨ THẦN-THÔNG

Hành-giả đặng bốn thứ Thiên-định (Sắc-giái), bốn thứ không-định (Vô sắc-giái) thì tâm đã mềm-dịu (dễ sử). Nếu muốn cầu ngũ-thông, căn cứ trên đệ Tứ-thiền, thì dễ dàng lắm. Nấy Sơ-thiền, Nhị-thiền, Tam-thiền, mà cầu Ngũ-thông, tuy cũng có thể đặng nhưng rất khó ; dầu có đặng cũng không bền vững..

Tại sao ?

Ở bậc Sơ-thiền vì có giác quán loạn định ;

Ở bậc Nhị-thiền, vì mừng quá ;

Ở bậc Tam-thiền, vì vui quá trái với tướng định.

Bốn phần như-ý đều là tướng-định, duy có căn cứ trên đệ Tứ-thiền : không khổ, không vui, không buồn, không mừng, không hơi thở ra vào, là chỗ trụ của các bậc thánh, mới là khoái-lạc yên ổn. Cho nên kẻ hành-giả phải căn cứ trên đệ Tứ-thiền, mà tu bốn phần Như-ý (30), là “Dục định”, “Tinh-tiến định”, “Tâm định”, “Tư duy định hành pháp thành tựu Như-ý”. Y theo đó mà trụ, thì không có việc nào không nên.

- Hỏi : Sao gọi là “Dục định hành pháp thành tựu Như-ý” ?

- Đáp : Chữ “Dục” là nói mong muốn đạt thành việc mình làm. Chữ “định” là nói một lòng không có thêm bớt. Chữ “hành pháp” là nói các pháp : tín, niệm,

xảo huệ, hỉ, lạc, vv... trở thành Dục định. Nhờ có Dục làm chủ, mà định định, nên gọi là Dục định. Tinh-tiến định, Tâm-định, Tư-duy định đều cũng như thế cả.

Kẻ hành-giả quán Dục, chớ để cho nó có thêm có bớt, cũng đừng cho bên trong nhiếp thâu nhiều, bên ngoài tản mát nhiều, phải mềm-dịu, bình-đẳng, mới định đều hòa. Tỉ như khảy đàn kìm, huấn cấp tự ta điều dây đàn, theo giọng ca khúc. Tinh-tiến, Tâm, Tư-duy cũng thế.

Tỉ như hành-giả học bay, muốn bay ấy gọi là muốn nhiếp thâu các tâm tản mát hiệp lại để trợ hành pháp ; cũng gọi là lòng tinh-tiến có thể cử đỡ thân mình lên, lia thân thô trọng, thụy trạo (thụy-miên, trạo-cử) vv.... Thì tâm ắt nhẹ-nhàng mới là đỡ nổi thân mình lên, nên cũng gọi là tâm trừ lượng (tính toán, độ lường),

Dục, Tinh-tiến, Tâm có thể đỡ thân lên ít nhiều, mà chưa hoại các thứ sắc trong ngoài, nên chưa gọi là Tư-duy. Y bốn phần Như-ý, ta có thể gồm đủ các thứ công-đức, hà huống là ngũ thông !

- Hỏi : Trong ngũ thần-thông, phần nào sanh ra trước ?
- Đáp: Phần nào mình ưa thích hơn hết ra trước.
- Hỏi : Nếu nói như vậy, sao lại sắp Biến-hóa thần-thông đứng đầu ?
- Đáp : Ngũ thần-thông hay giúp chúng sanh. Tại sao ?

Ông Như-Huệ đặng bực giải thoát A-la-hán, nghĩ thầm rằng :”Có nhiều chúng sanh độn-căn chẳng tin việc đạo, khinh dễ pháp Phật. Ta đặng việc khó đặng là Lậu-tận thần-thông (31), thì sao không bắt đầu lấy thần-thông đó mà dạy chúng sanh, để cho chúng phải sa vào đường tội lỗi.

Lại Phật là đứng đại-bi, hay làm lợi-ích chúng sanh. Ta là kẻ đệ-tử phải lấy thần-lực mà giúp cho chúng sanh mới phải. Nhưng chúng sanh hay lấy việc hiện-tại mà cầu đặng lợi-ích. Thần-biến cảm động hết thấy đại chúng sang hèn, chẳng một ai kính phục. Các thông khác không đặng như thế, vì có đó mà thần-thông Biến-hóa ở trước hết.

- Hỏi : Trong thiên-thân (thân người cõi trời), phần hóa đại nhiều, nên thân có quang minh, cũng có thể bay cao, đi lẹ. Trong quỷ-thân, phần phong đại nhiều, nên thân nhẹ-nhàng mau lẹ, không có chi làm trở ngại. Trong long-thân, phần thủy đại nhiều, nên tâm niệm sanh thủy, cũng có thể biến động. Còn trong nhơn-thân, phần địa đại nhiều, nên tướng ít khinh động, làm sao mà bay được ?

- Đáp : Vì tướng địa chủng của nhơn-thân ít khinh động, cho nên học thần-thông có cần chi phải theo lối thường như chư thiên, chư thần. Như đất tuy nặng nề, mà cây sức nước, thì đất sẽ động. Có tâm lực như thế, thì cử nổi thân mình.

Tỉ như con khỉ, ở trên cao té xuống đất, mà thân không bị thương ; còn người té như thế thì bị hại ngay. Tại sao ?

Vì cái tâm của con khỉ nhẹ-nhàng, mau lẹ, mạnh mẽ, nên không bị hại.

Phải biết thân-thông như thế là nhờ có sức tâm mạnh mẽ. Cũng như người nổi trên mặt nước, tuy ở chỗ nước sâu, mà không đắm chìm, là nhờ có sức phương-tiện của tâm nung đỡ cái thân được.

Vì cố đó, phải biết thân con người tuy nặng nề mà nhờ sức tâm mạnh, nên thân bay giữa hư-không.

a) BIẾN-HÓA THÂN-THÔNG (Cũng có chỗ gọi là Thần-túc thông, Thần-cảnh thông, Thần – thông)

- Hỏi : Nói như vậy có thể tin được, bây giờ phải học cái chi ?

- Đáp ; Nếu hành-giả căn cứ trên đệ Tứ-thiền, y theo bốn phần Như-ý, một lòng thân niệm, quán trong thân thể chỗ nào cũng là hư-không, như lòng trống của ngó sen. Lấy cái trạng-thái thân thể vừa nhẹ-nhàng, vừa mau lẹ đó mà tập hoài.

Thân hiệp cùng tâm, như sắt hiệp với lửa. Diệt cái tướng thô trọng thì thân còn nhẹ mau, hiệp cùng Dục, Tinh-tiến, Tư-duy và các trợ hành pháp, nhờ sức thiện-hành của Dục, vv ... nên thân cũng theo đó, như sắt gặp lửa thì rất nhẹ-nhàng, mềm-dịu , dễ-dàng. Lại “Tứ đại sở tạo” thuộc Sắc-giái ở trong thân mình, hòa hiệp với thân, khiến thân nhẹ-nhàng, cử động tùy ý.

Tỉ như người bệnh uống thuốc, thì tâm tươi tỉnh, thân mình nhẹ-nhàng. Thí như “Tứ đại tạo sắc” mình tịnh ở trong thân, thì con mắt đặng minh tịnh. Như người học nhảy, tập lâu thành công,giỏi hơn kẻ khác. Như loài chim hạc con bay, lần lần bay xa. Thân-thông cũng như thế. Lúc mới tập thì bay đặng 1 trượng hoặc 2 trượng, lần lần mới bay xa được.

Sức biến-hóa thân-thông này có bốn thứ :

- 1.- Thân mình bay trên hư-không , như loài chi, phi hành ;
- 2.- Đường xa có thể rút gần ;
- 3.- Đầu này diệt thì đầu kia mọc ;
- 4.- Mau theo ý muốn. Trong khoảng khảy móng tay , có 60 niệm. Trong thời gian một niệm có thể trải qua muôn vàn hàng-hà –sa quốc-độ, vừa tưởng đã tới.

Dùng thứ thân-thông này, thì thân đặng tự-tại. Một thân có thể biến ra nhiều thân. Nhiều thân có thể hiệp làm một thân. Lớn có thể làm nhỏ, nhỏ có thể làm lớn. Nặng thì như hòn núi Tu-di, nhẹ thì như lông con chim hồng. Trên đó, là các việc tự mình có thể làm theo ý muốn được.

Còn các vị Bồ-tát đặng thứ thân-thông này, trong một khoảnh niệm, trải qua hàng-hà-sa quốc-độ. Tuy chúng sanh thấy Bồ-tát ở đâu đằng kia, mà Bồ-tát vẫn không động nơi chỗ mình đương ở ; tại đâu đằng kia nói pháp dạy dỗ, mà ở đằng này chẳng lìa chỗ ngồi.

Hoặc có người cỡi trời, cỡi người mê hoặc cái thường điên đảo (32), ta có thể lấy thần-thông mà độ họ. Ta hiện ra cho họ thấy cỡi Ba ngàn Đại-thiên thế-giới bị lửa đốt. Tuy chúng sanh thấy cỡi Ba ngàn Đại-thiên bị đốt, phá hoại, mà cỡi ấy y-nhiên không tổn hại mảy may nào.

Có kẻ chúng sanh tâm sanh kiêu căn, thì ta hiện ra tay cầm cây kim-cang sử, lửa phát trong kim-cang, kẻ kia thấy vậy sợ sệt, bèn lễ kính qui y.

Có người muốn thấy hình Chuyển-Luân thánh-vương, thì hiện ngay ông Chuyển-Luân thánh-vương đến thuyết pháp.

Hoặc hiện ra hình Thích-Đề hoàn-nhân, hoặc hiện ra hình Ma-vương, hoặc hiện ra hình Thịnh-văn, Phật Bích-chi, hoặc hiện ra hình Phật, tùy theo chỗ người ta muốn thấy, mà thuyết pháp.

Có khi, Bồ-tát lại ngồi kiết-già trên giữa hư-không, xung quanh mình tư bề phóng ra hào-quang sáng rỡ, mà thuyết-pháp.

Hoặc có kẻ chúng sanh ưa màu mè nhiều cho có vẻ trang nghiêm, thì hiện ra cỡi quốc-độ Ba-ngàn Đại-thiên trang nghiêm bằng bảy báu, cờ phướng tàn lọng, trăm thứ kị nhạc, rồi ngồi ở trong đó mà thuyết pháp.

Hoặc biến cỡi Ba-ngàn Đại-thiên làm một cái biển nước, có sen xanh, có bông đỏ, che trần mặt nước, rồi ngồi lên đó mà thuyết pháp.

Hoặc ngồi trên núi Tu-di dùng tiếng phàm âm mà thuyết-pháp, các nước xa gần đều nghe khắp.

Hoặc khi thuyết pháp mà chẳng cho chúng sanh thấy hình dạng, chỉ nghe tiếng nói mà thôi

Hoặc hiện ra thân Càn-thác-bà (33) dùng tiếng kị nhạc, làm cho trong lòng họ vui mừng phấn khởi, rồi mới thuyết pháp.

Hoặc hiện ra Long-vương, Lô-điển, Thích-lich để thuyết pháp.

Đó là những nhân duyên phương-tiện để hiện thần-thông biến, ngộ khai dẫn chúng sanh.

- Hỏi : Đó là thần-thông biến hóa ra các vật, không phải là đối giả sao ?

- Đáp : Kẻ tu hành trước phải biết các pháp giả dối, như huyễn, như hóa. Tử như nhồi đất tùy ý ta muốn nắn món chi lại không được.

Như những người phước-đức còn có thể trong mùa hạ hiện thấy tuyết, trong mùa đông hiện sanh bông, hoặc làm cho nước sông ngừng chảy đó sao ? Lại như người tiên nóng giận làm cho con cọp, sói, sư-tử biến ra hình đá, Huống chi thần-thông định lực mà không biến được các vật !

Trong hết thủy mọi vật, mỗi món đều có một phần khí. Hãy lấy thần lực mà mở rộng phần này, còn kỳ dư thì để tiềm ẩn. Như trong kinh nói : Có vị Tì-khư tập thần-lực, tâm định tự-tại, thấy một gốc cây to, muốn cho nó thành đất, thì nó liền trợn thành đất.

Tại sao ? Vì trong cây có một phần đất. Nếu là phần nước, lửa, gió thì cũng y như vậy.

Nếu muốn làm ra vàng bạc, các thứ vật báu lạ, thì tùy ý đều làm được cả. Tại sao ? Vì trong cây có một phần tịnh-sắc biến hóa vô cùng.

- Hỏi : Vật biến như vậy, hóa ra không có gốc ngọn, mới nghĩ việc ấy ra sao ?

- Đáp : Đã nói trong hư-không có vi-trần tâm lực, “ tứ đại sở tạo “, nên khiến các vi-trần hiệp lại thành ra hóa-nhơn. Thí như người chết, hoặc sanh trên Trời, hoặc sanh Địa-ngục, do tội phước làm nhân duyên, để hòa-hiệp các vi-trần làm thân. Thế thì cái hóa thân nói đây cũng vậy.

Như trên nói, đó là tướng Biến- hóa thần-thông lúc ban sơ

b) THIÊN-NHĨ-THÔNG .-Như hành-giả muốn cầu Thiên-nhĩ, thì cũng lấy đệ Tứ-thiền làm căn-bổn, tu theo bốn phần Như-ý như trên đã nói, làm cho mềm dịu các tâm thuộc (các tâm sở hay là tâm số), nhớ âm thanh của đại chúng, tưởng tượng các âm thanh đó. Các tiếng đã nghe phải thường nhớ tưởng. Nếu tâm tưởng qua các việc khác, thì hãy thu nó đem về. Thường thường một lòng tu niệm, thì ở trong lỗ tai đặng sắc thanh-tịnh “tứ đại sở tạo” của Sắc giới. Đó gọi là tu tập Thiên-nhĩ.

Nhờ cái Thiên-nhĩ này, ta mới nghe âm thanh như Thiên thanh, Nhơn thanh, Long thanh, A-Tu-la thanh, Càn-thác-bà thanh, Chiên-đà-la thanh, Ma-hầu-lặc thanh, cũng là tiếng của Súc sanh, Ngạ-quí, tiếng kêu gào thống khổ, to nhỏ phát từ Địa-ngục vv... đều nghe được tất cả.

Bồ-tát định tâm vào sâu, thì nghe được tiếng nói của mười phương chư Phật. Nghe Phật nói pháp mà chẳng tưởng tượng hình tướng, vì pháp nói đây là chơn-pháp, rất cao thượng, nên theo thâm nghĩa, chớ không theo lời nói.

Thâm nghĩa là sao ? Tức là chỗ gọi : biết các pháp đều “không, vô tướng, vô tác” (34), chúng sanh tà kiến, cho đến nghĩa cũng không có đặng gì. Đã không có đặng gì về nghĩa, mà trong đó cũng không có đặng gì về tướng. Đó là theo thâm nghĩa, chớ chẳng theo lời nói.

Kẻ hành-giả theo kinh liễu nghĩa (nghĩa rốt ráo, nghĩa đệ nhất), chẳng theo kinh không liễu nghĩa. Người học kinh liễu-nghĩa rồi, nếu y theo nghĩa đó được, thì hết thấy các kinh khác đều là liễu nghĩa cả. Vì nghĩa rốt cuộc là không, không thể nói ra tướng, nên các kinh đều là liễu nghĩa.

-Nếu không y theo nghĩa đó, thì người này không thể biết liễu nghĩa trong các kinh. Tại sao ?

- Vì họ không có trí sâu, chỉ chạy theo âm thanh, cái thật-tướng của âm thanh cũng là vào trong thâm nghĩa, đều không thể nói ra được. Cho nên gọi là : phân biệt liễu nghĩa kinh, chớ không phải là không liễu nghĩa kinh.

- Hành-giả nên dựa theo trí, chớ đừng dựa vào thức.

Tại sao ?

- Hành –giả biết thức tướng do nhân duyên hòa hiệp mà sanh, không có tự tánh, không sắc, không tướng đối, chẳng thể thấy được, vô tri vô thức, đối gạt như huyễn. Biết thức tướng như vậy, thì thức tức là trí, Cho nên nói : Dựa vào trí, chớ chẳng nương theo thức.

Kẻ hành-giả tuy là còn sanh thức , mà dầu thức hay trí, cũng đều chẳng sanh lòng chấp trước. Biết thức là Như-tướng (tướng của Chơn-như) , thì thức tức là trí tướng., bèn đem cái trí tướng đó mà thuyết pháp với chúng sanh.

- Hành-giả nương theo pháp, chớ chẳng nương theo người. Tại sao ?

- Nếu trong pháp Phật mà thiệt có người, thì không ai thanh-tịnh, đặng giải-thoát. Hết thấy các pháp đều không ta, không người. Vì cố đó mà hành-giả nương theo pháp, chớ chẳng nương theo người.

Chỗ gọi pháp đây có nghĩa là : tánh của các pháp. Pháp-tánh là tánh vô sanh. Cái tánh vô sanh rốt cuộc là không , chẳng có thể nói ra được. Tại sao ?

Lấy lời nói mà thuyết pháp, trong pháp không có lời nói, trong lời nói không có pháp. Lời nói không có tướng nói, hết thấy các lời nói không phải là ngữ ngôn tướng. Vì cố đó mà kinh nói : Vô thị (không giải bày), vô thuyết (không nói ra), thì gọi là pháp Phật.

Kẻ hành-giả lấy thiên-nhĩ mà nghe các pháp của Phật. Dầu pháp, dầu người, cũng không sanh lòng trước kiến (dính lú). Nếu phân biệt có hai tướng, thì chánh đó là Phật pháp.

Kẻ hành-giả nương theo sức Thiên-nhĩ, cho nên nghe đặng pháp thậm thâm, để dạy dỗ chúng sanh. Đó gọi là Thiên–nhĩ thân-thông.

c) THA-TÂM THÔNG.- (Biết tư-tưởng trong tâm của người khác). Nếu kẻ hành-giả muốn dùng trí Tha-tâm, thì trước phải tự quán tâm mình, ghi nhớ sanh tướng, trụ tướng, diệt tướng của tâm và cũng biết cấu tướng (tướng dơ), tịnh tướng, định tướng, loạn tướng vv ... của tâm.

Lại quán cảnh bị tâm duyên (sở duyên), như là sạch dơ, gần xa, nhiều ít, vv... ghi nhớ hết tâm tướng trong ngoài. Rồi mới quán sắc của chúng sanh, để nhớ những tâm thuộc về dục tướng, sân tướng, mạn tướng (khinh mạn), kiên tướng (bỏn sẻn), tật-đố tướng, ưu tướng, úy tướng, hay là tâm thuộc về tướng lối nói, âm thanh, các việc làm vv ...

Trong lúc nghĩ như vậy : “Như tâm ta có lúc sanh, lúc trụ, lúc diệt, thì người khác cũng như thế ; tự mình biết cảnh bị tâm duyên thì họ cũng biết y như thế. Tâm ta có sắc tướng , tướng lời nói, tướng việc làm như thế, thì tâm họ cũng có như thế”.

Ai thường tu học tâm tướng, tập như vậy rồi, thì đặng Tha-tâm thông. Lúc đó, chỉ duyên với tâm-số-pháp của tha tâm (trong tâm của người khác). Như người có con mắt sáng (Nhãn-thông), quán tướng trong tịnh thủy, có cả lớn nhỏ, xấu tốt, đều thấy rõ hết. Tuy là có nước bao phủ, mà vì nước bao phủ đó là tịnh thủy, nên không có chi ngăn ngại sự thấy.

Kẻ hành-giả vì biết sức Tha-tâm thông như thế, nên tuy là cái tâm của họ bị thân thể bao phủ, nhưng cũng thấy nó được.

Ai đã đặng tâm thông, hoặc lúc ở giữa đại chúng nói pháp, trước rõ cái tâm của họ, biết họ dùng cái tâm nào, làm phép nào, vì nhân duyên nào, có tướng nào, vui về việc chi, Vì biết tâm mình thanh-tịnh, cho nên biết tâm của chúng sanh cũng có thể thanh-tịnh.

Như trong tấm gương sạch bụi, tuy vật có hình sắc hoặc dài, hoặc vắn, hoặc vuông tròn, hoặc to nhỏ vv ... mà hiện ra cái tướng của nó không thêm không bớt. Đó là tại sao ? Vì đương thanh-tịnh (không đóng bụi), tấm gương tuy chẳng có gì phân biệt, mà tự nhiên hiện rõ cái tướng thiệt của mọi vật.

Kẻ tu hành cũng vậy, nhờ tâm mình thanh-tịnh, nên các pháp không có tướng nhưt định. Vì thường thanh-tịnh cho nên biết hết tâm-vương và tâm-số –pháp của chúng sanh.

Nếu trong đại chúng có nhiều người dâm dục, liền biết cái tâm của họ, mà nói ra pháp lìa bỏ dâm dục. Về sân (giận), và si (mê), thì cũng y như vậy. Tại sao ? Cái thiệt tướng của tâm không nhiễm, không sân, không si.

Nếu trong đại chúng có người cầu bực Thịnh-văn (tiểu thừa), thì cũng có thể biết tâm họ mà nói pháp.. Tuy là nói pháp, mà cũng biết pháp-tánh không có gì là tiểu (nhỏ).

Có người cầu đạo Phật Bích-chi (trung thừa), thì cũng biết lòng họ mà nói pháp. Tuy là nói pháp, mà cũng biết pháp-tánh không có gì là trung (vừa).

Như ai cầu bực đại-thừa, thì cũng biết lòng họ mà nói pháp. Tuy là nói pháp, mà cũng biết pháp-tánh không có gì là đại (lớn).

Theo như các bực đó, kẻ hành-giả tùy lòng chúng sanh mà nói pháp, không phân biệt tâm tướng. Tuy là phân biệt ba thừa mà nói pháp, chớ không phá hoại pháp-tánh. Vì chẳng phá hoại pháp-tánh, cho nên trọn biết các việc tính làm trong tâm chúng sanh.

Tuy là dùng tâm mình để biết tâm người, mà hai bên không nghịch, không thuận. Lại biết hết thấy chúng sanh, tâm tâm nối liền nhau, như trong dòng nước chảy, nước xua nhau đi tới. Nếu biết tâm tánh, thì pháp tánh cũng y như vậy.

Lấy trí Tha-tâm mà biết cái tâm của chúng sanh để nói pháp, thì không thể nào sai được. Đó gọi là biết trí Tha-tâm thân-thông.

d) TÚC-MẠNG THÔNG .- (Biết các kiếp trước của mình và của người).

Nếu hành-giả muốn biết Túc-mạng, trước phải hiểu biết :” Việc ta gặp nay, việc ta gặp trước ; cho tới đêm qua, ngày hôm qua, ngày trước nữa, như vậy 1 tháng ; từ năm nay cho tới lúc còn trẻ nít. Thí như người hành-đạo đi tới xứ nào rồi, tư duy nhớ lại các xứ mình đã trải qua.

Tập như vậy rồi, khéo tu định lực, nên nhớ lúc mình mới sanh ra, lúc còn trong thai bào, biết chết ở xứ nào, biết cái thai sanh này như vậy một đời, hai đời, ba đời cho tới trăm đời, ngàn muôn ức đời không thể lường được. Nhờ trí Túc-mạng, tự biết các việc thân mình và người khác trải qua hằng hà sa số kiếp trước, cả thấy đều trọn nhớ biết.

Chiếu theo việc Túc-mạng mà dạy dỗ chúng sanh, nói như thế này :”Ta ở xứ nào, tên họ như vậy, sanh ra như vậy, thọ mạng như vậy, trải qua bao nhiêu vui khổ, và cũng nói luôn các việc của họ đã trải qua nữa”.

Kẻ hành-giả nhờ sức Túc-mạng cho nên biết chúng sanh kia đời trước đã gây nhân duyên tội hay phước, tức là chỗ gọi chướng nhân duyên Thịnh-văn, nhân duyên Phật Bích-chi, nhân duyên Phật, rồi tùy theo nhân duyên đó mà thuyết pháp.

Lại hành-giả nhờ sức trí Túc-mạng, cho nên tự biết :”Tuy theo chư Phật chướng thiện-căn. Mà chưa hồi hướng (qui về, tu theo) A-Nậu-đa là tam-miêu tam-bồ-đề. Vậy ngày nay phải hồi hướng A-nậu-đa-la tam-miêu tam bồ đề.(Tàu dịch : Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác hay là Vô-thượng Chánh-đẳng bồ-đề).

Hành-giả cũng biết đời quá-khứ, lúc các pháp diệt thì nó chẳng đi đâu cả”; biết đời vị-lai, lúc các pháp sanh thì nó không do đâu lại. Tuy biết đời quá- khứ vô thỉ chẳng sanh, mà cũng không chấp kiến vô thỉ ; tuy quán tưởng đời vị-lai, chúng sanh diệt vào cõi Niết-bàn, mà cũng chẳng sanh biên kiến (thấy có hai bên).

Hành-giả nhớ mấy kiếp đã làm nầy nở các căn lành và diệt nhân duyên tội lỗi không biết mấy muôn đời. Tại sao ? – vì biết hết thấy các pháp không có tướng mới tướng cũ. Đặng trí-huệ như vậy rồi, quán tưởng hết thấy các pháp hữu-vi, cùng là các sự sống chết và khổ vui đã trôi qua, như thấy trong giấc mộng.

Vì cố đó mà trong vòng sống chết, đối với hết thấy chúng sanh, tâm chẳng sanh nhàm chán, động khởi miện từ-bi. Biết hết thấy các pháp đều tac rồi nghĩ như vậy :”Như tôi lên xuống, sống chết muôn ức kiếp không lường, đều là đối giả, chẳng thiệt. Hết thấy chúng sanh lên xuống, sống chết cũng đều như thế. Nếu không có tứ đại, tứ ấm, mới là thiệt. Tứ đại , tứ ấm rốt cuộc cũng chẳng sanh”.

Hành-giả dùng trí Túc-mạng nhớ lại mình đã từng làm Chuyển-luân Thánh-vương, mà sự vui sướng đặng hưởng cũng là vô thường, lần lần tiêu diệt ; sự vui sướng của Thích-Đề Hoàn-nhân (vua trời Đế-Thích, tiếng phạn là Indra) cũng là vô thường, lần lần tiêu diệt.

Có các quốc-độ thanh-tịnh trang – nghiêm của chư Phật, cho đến các sắc tối-diệu củ các Bồ-tát, các vị Phật, vận chuyển pháp luân đều là vô thường cả. Hà hưởng là cái chi khác nữa ! Tưởng nghĩ như vậy rồi, tâm nhàm chán mà xa lìa.

Hành giả nương trí Túc-mạng mà vào cảnh vô thường không quán, hết thấy các pháp đều không, vô thường, mà chúng sanh điên đảo lại chấp trước, cho là thiệt có chúng sanh, mới sanh ra Bi-tâm. Các Bồ-tát thiệt hành cái Bi-tâm này, lần lần đặng thành đại-bi, đặng đại-bi rồi, các vị Bồ-tát đặng chư Phật ở mười phương đề ý tới mà khen ngợi công-đức mình. Đó là Túc-mạng thần-thông.

đ) THIÊN-NHÂN THÔNG .- Nếu hành-giả muốn cầu Thiên-nhân, thì trước phải ghi tướng cái dáng chi sáng suốt, như lửa đèn, minh-châu, mặt trời, mặt trăng , tinh tú, vv ... Tưởng nhớ cái dáng sáng suốt đó rồi, nếu ban ngày thì nhắm mắt, ban đêm lúc nào cũng nhớ cái tướng sáng suốt đó như con mắt mình thiệt thấy vậy.

Phải thường tụ tập tưởng nhớ rõ ràng, buộc tâm mình vào sự sáng, đừng cho nó tưởng qua việc khác. Nếu nó đi thì kêu nó về. Tâm định vào một chỗ, thì lúc đó thứ sắc thanh-tịnh “ Tứ đại sở tạo ” thuộc cõi Sắc giới có 083 trong con mắt. Vì lẽ có “ Tứ đại sở tạo ” của trời trong con mắt thanh-tịnh, nên gọi là Thiên-nhân.

Hành-giả đặng Thiên-nhân rồi, các núi non, cây cối, núi Thiết-vi núi Tu-di, cùng các quốc-độ, đều không còn bị che nữa. Vì lẽ con mắt hết bị ngàngại, nên thấy được vô-lượng , “ a tăng kỳ (dịch nghĩa là : vô số) chư Phật ở mười phương và các quốc-độ trang nghiêm.

Lúc ấy, hành-giả mới biết đặng hết thấy chư Phật là một ông Phật, lại ông Phật là hết thấy chư Phật, vì lẽ pháp danh chẳng hư hoại.

Như thấy tướng của Phật rồi, thì tư tưởng của thân mình cũng y như vậy. Cái tướng thân mình tịnh, thì hết thấy các pháp tướng cũng y như vậy.

Như thấy Phật thanh-tịnh rồi, thì đệ-tử cũng y như vậy, chớ không có hai tướng. Cho tới chúng sanh ở vô-lượng quốc-độ trong mười phương, tử như Địa-ngục, Súc-sanh, Ngạ-qui, cõi Người, cõi Trời (trừ ra cõi Vô-sắc giới), thì đều thấy trọn hết, sống chết, tốt xấu, đều biết các nghiệp nhân duyên và quả báo của chúng sanh trong mười phương, sáu nẻo.

Chúng sanh nào nhờ tập thiện nghiệp làm nhân duyên, thì sanh vào cõi Trời, cõi Người. Chúng sanh nào gây ra bất thiện nghiệp làm nhân duyên , thì sanh vào ba đường ác đạo.

Hành-giả nhờ có sức trí huệ ở trong Thiên-nhân, nên tuy thấy có chúng sanh, mà chẳng sanh tư tưởng chúng sanh. Vì các pháp không tư tưởng chúng sanh, nên tuy thấy nghiệp và quả báo tương-tục, mà cũng vào trong cảnh các pháp không có nghiệp, không quả – báo.

Tuy Thiên-nhân thấy hết các sắc, mà vì có sức trí-huệ, nên cũng chẳng ghi giữ sắc tướng, vì sắc đó đều là không cả (thấy có mà biết là không).

Lại nữa, dầu bị ngăn, dầu không bị ngăn, xa gần, trên dưới, không có chi mà không trọn thấy.

Hành-giả tuy thấy các tầng trời Sắc-giới, mà phần thanh-tịnh, tế vi, thì họ không thấy được. Cho tới tầng Đại-thiên (Vô-sắc giới), thì cũng không thấy gì được.

Có nghĩa thần-thông như nói trên đều là theo nghĩa thần-thông có giải rộng trong kinh Ma-ha diển.

Chú thích

Các danh-từ khó trong kinh

(1) Ngũ chúng là năm hạng người xuất-gia : ti-khưu, tì-khưu-ni, thức xoa-ma-ni, sa-di, sa-di-ni.

(2) Quán nghĩa là: quán sát, tìm xét các điều giả dối ; sai lầm. Đây có nghĩa là quán tưởng, tư-tưởng hiện ra nơi tâm, làm cho tâm thấy hình tướng đó, như mắt thiệt thấy một sự vật chi.

(3) Quán tưởng hình người chỉ còn xương màu trắng (coi quyển Thiết-Bí yếu pháp).

(4) Duyên-trung là chỗ hệ (buộc) niệm, nơi định tưởng. Đại-Trí-Độ luận nói : Sự học huệ tâm duyên-trung, hoặc mi-gian, hoặc trên trán, hoặc chót sống mũi. Đó là cảnh sở-duyên, chớ duyên-trung không phải là danh từ chỉ chỗ nhứt định .

(5) Bài kệ này của ông Mục-Kiền-Liên thốt ra đối với người vợ của ông. Một người phái nữ đi tu, đối với chồng không tu mà còn gây rối nữa, thì cũng có thể nói gần gần như thế. Đây là một phương pháp để dần, để quên dục-tâm mà thôi, thiệt không phải có ý khinh-miệt người khác phái với mình.

(6) Quán từ thân mình lan rộng cho tới Ba ngàn thế-giới đầy đầy những người xương màu đỏ (coi quyển “Thiên-Bí yếu pháp”).

(7) Có chỗ đề 70 ngày (thất thập nhật)

(8) Khổ, không, vô-thường, vô ngã là phép quán Tứ-niệm xứ, cũng gọi là Tứ-niệm-trụ . 1) Quán tưởng thân là bất tịnh , lại không bền mới gọi là không . 2)

Quán tướng thọ(chịu) là kjhổ. 3) Quán tướng tâm là vô thường. 4) Quán tướng pháp là vô ngã, không tự-chủ, tự -tại. Đây là bốn thứ điên đảo, bởi nó đi ngược với bổnđức của Niết-bàn :Thường, lạc, ngã, tịnh.

(9) Thủy-y nghĩa là: rong xanh nổi trên mặt nước.

(10) Noãn là ấm, là nóng. Noãn pháp là một pháp trong bốn thiện-căn (noãn, đảnh, nhẫn, thế đệ nhất). Vì sắp vào hàng thập địa của bồ-tát, phải rán gia công dụng hạnh, thì cũng gọi là bốn ngôi gia hạnh.

(11) Theo cựu dịch gọi là giác quán. Theo tân dịch thì gọi là tầm tư. Suy nghĩ thô (tức là tầm) gọi là gíc, suy nghĩ kỹ lưỡng (tức là tư) gọi là quán.

(12) Tức là “Tứ đại sở tạo” tịnh sắc ở trong mỗi căn.

(13) Tám pháp cũng gọi là bát phong, vì hay phiến động như tâm : 1) Lợi, 2) suy, 3) hủy (nhục nhã), 4) dự (danh dự), 5) xưng (khen), 6) cơ (chê), 7) khổ, 8) lạc.

(14) Hữu là có, lậu là lọt. Hữu lậu nghĩa là các phiền não làm cho lọt vào cảnh luân-hồi, sanh tử. Vô lậu thì nên lấy nghĩa trái lại.

(15) Theo Duy-thức tông, ở Sơ-thiền, chỉ còn có ba thức mà thôi là : mắt, tai, thân.

Vì lấy thiền duyệt làm món ăn tinh-thần, nên không có thức lỗ mũi để ngửi, thức miệng để ăn. Tới Nhị-thiền thì hết trọn năm thức : mắt, tai, miệng, mũi, thân, nên đây chỉ có ý-thức.

(16) Bực Tứ-thiền có bốn chi công-đức : Bất khổ bất lạc, Xả, Niệm thanh-tịnh, Nhứt tâm.

(17) A-tì-đàm là tiếng Phạn A-ti-đà-ma (abhidharma). Lại cũng có một hiệu khác là A-tì-đàm Tì-bà-sa (đồng một bản mà khác người dịch).

(18) Tương ứng nghĩa là khế-hiệp, rập nhau mà khởi động, hoặc nói về vật (thì hai món tương ứng), hoặc nói về lý (thì tâm ứng với lý).

(19) Tâm-số-pháp, cũng gọi là Tâm-sở, Tâm-sở-hữu pháp, là phần phụ thuộc của tâm. Tâm cũng gọi là Tâm-vương, là Bát-thức tâm-vương (Thỉnh coi Phật-giáo tâm-lý)

(20) Chữ “Phạm” đây có nghĩa là: thanh-tịnh. Phạm hạnh là hạnh đoạn dâm, tức là hành-pháp thuộc về cõi Phạm-thiên (cõi Sắc-giới)

(21) Phạm thừa là một thừa trong ngũ thừa, ngang hàng với Bồ-tát thừa.

(22) Tăng-thương-mạn nghĩa là : tăng thêm lên lòng khinh-mạn (khi-dể).

(23) Cái danh Thế-gian (Hữu danh) tức là tên khác của Phi-tướng phi-phi-tướng xứ, cũng gọi Sắc-cứu-cánh thiên.

(24) Ngũ thọ ấm là : ưu thọ, hỷ thọ, khổ thọ, lạc thọ, xả thọ.

(25) Bốn quả s a-môn là :

- 1) Tu-đa-huần quả, thông đạt chờ không, rồi nhờ cái trí không mà đoạn ba thứ kiết (ngã kiến, tà giới, nghi chánh lý), chứng “dự lưu” quả;
- 2) Tư-đà-hàm quả, tức là tu cái đạo này, mà đặng nhẹ bớt phiền-não, nhưng còn phải sanh một lần nữa ở cõi Dục-giới ;
- 3) A-na-hàm quả, đoạn các thứ phiền-não ở cõi Dục-giới;
- 4) A-na-hán quả , đoạn được hết các thứ phiền-não. Ai tụng và tập các pháp Phật đó, thì mới thông đạt Tứ Diệu-đế, đặng bốn quả sa-môn.

(26) Bốn pháp nhẫn là : khổ pháp-nhẫn, tập pháp-nhẫn, diệt pháp-nhẫn, đạo pháp-nhẫn. Bốn loại nhẫn là : khổ loại-nhẫn, tập loại-nhẫn, diệt loại-nhẫn, đạo loại-nhẫn.

Dùng Bát nhẫn chánh là để đoạn trừ Kiến-Tư hoặc trong tam giải. Nếu đoạn kiến hoặc rồi, thì quán chiếu rõ ràng, chừng đó gọi là bát trí.

Bát nhẫn là Vô-gián đạo, Bát trí là giải-thoát đạo. Nhẫn là nhân của trí, trí là quả của nhẫn. Hiệp lại Bát nhẫn và Bát trí này, thì gọi là 16 tâm kiến đạo (nhận thấy đạo).

(27) Vô học đạo nghĩa là : đã đoạn các thứ hoặc trong tâm giải, nên trọn chứng lý Chơn-đế. Khi trí-huệ viên mãn rồi, thì chẳng còn còn phải học tu nữa, tức là trí vô-lậu của bậc A-la-hán.

(28) Phật dạy nhiều pháp từ thấp lên cao, mỗi người tùy trình mà tu học. Khi tu học được một pháp rồi, thì phải tập pháp khác kế đó, để tiến lên mãi mãi. Luôn luôn phải bỏ “hóa thành” là công phu tạm thời thành công, để tìm”bửu-sở” là chỗ Phật ở, mới phải là mục đích cứu cánh. Nếu ai còn mê chấp, thì không thể nào đắc đạo giải thoát.

(29) Tam suy là một tên khác của tam độc, tức là : tham, sân, si.

(30) Bốn Như-ý tức là : Dục Như-ý tức, Tinh-tiến Như-ý tức, Nhứt-tâm Như-ý tức, Quán (hoặc gọi là Tư-duy) Như-ý tức.

(31) Đây là thông thứ sáu, tức là : Lậu-tận thông, chứng trí-huệ vô-lậu, mà ở kinh này không có luận đến, chỉ kể ngũ công mà thôi.

(32) Việc đời vô-thường, thấy đó liền mất đó, mà nhiều kẻ không xét biết, tưởng là thường (hằng còn) như thế là lầm, nên gọi là thường điên đảo.

(33) Càn-thác-bà (tiếng Phạn là Gandharva), di”ch nghĩa là : Hương-thần, xứu-hương, Hương-âm vv... lấy hương (mùi thơm) làm món ăn, nên cả thân mình bay ra mùi thơm. Đó là tục nhục-thần của vị Thiên-đế.

(34) “ Không, Vô-tướng, Vô-tác” gọi là tam tam-muội, theo xưa thì gọi là Tam tam-muội. Còn bây giờ thì gọi là Tam tam-ma-địa (samadhi). Dịch nghĩa là Tam-định, tam đẳng-trì. Cũng gọi là tam không (ly sở quán), là tam trị (chứng sở đoạn)

Tam muội lại có hai phần : Hữu-lậu định gọi là Tam tam-muội, vô-lậu định gọi là Tam giải-thoát môn. Giải thoát tức là Niết-bàn. Vô-lậu là vào được trong cửa Niết-bàn. Giống như hữu-lậu thì gọi là Bát bội-xả, còn giống như vô-lậu thì gọi là Bát giải thoát vậy.

Nghĩa của Tam tam-muội :

1) KHÔNG TAM-MUỘI VỚI “không”, “vô ngã” của khổ đế, cả hai hành tướng tương ứng mà thành tam-muội. Quán tưởng chư pháp là do nhân duyên sanh, không có ngã, cũng không có ngã sở hữu. Vì không có hai thứ: ngã và ngã sở (nghĩa như tâm và tâm sở), nên gọi là không tam-muội.

2) VÔ-TƯỚNG TAM-MUỘI là bốn hành tướng của diệt đế là: diệt, tịnh, diệu, ly, tương ứng mà thành tam-muội.

Niết-bàn lỵnăm pháp là : sắc, thính hương, vị, xúc, hai tướng nam nữ và ba tướng hữu-vi (trừ trụ tướng) cộng là 10 tướng, nên gọi là vô-tướng. Lấy vô-tướng làm duyên, nên gọi là vô-tướng tam-muội.

3) VÔ-NGUYỆN TAM-MUỘI, xưa gọi là vô-tác tam-muội, lại cũng là vô-khởi tam-muội. Đây là đối với hai hành-tướng “khổ”, “vô thường” của khổ đế, cũng là tập đế, đều là đáng chán ghét, lại với bốn hành-tướng, đạo, như, hành, xuất của đạo đế, như thuyền bè phải bỏ, nên không nguyện ưa thích nữa, nên lấy đó làm duyên, gọi là Vô-nguyện tam-muội.

Lại đối với chư pháp không có lòng nguyện cầu ưa thích, thì không có ý tạo tác, nên gọi là Vô-tác, Vô-khởi, còn hai hành-tướng :”không” và “vô ngã” của khổ đế tương tự với tướng Niết-bàn, nên không thể chán bỏ, vì cố mà trong vô-nguyện tam-muội cũng còn giữ nó lại.